

Phong Thần và Huyền Bí Học

(Bản năm 2008)

Tác Giả - CƯ SĨ TRIỆU PHƯỚC
(Pháp Hiệu: ĐỨC QUÝ)



**MAT GIAO FRIENDSHIP ASSOCIATION
IN CALIFORNIA**

Sách Biếu

LỜI TỰA

Nhóm Mật Giáo xin giới thiệu đến các đạo hữu quyển sách Phong Thần và Huyền Bí Học bao gồm những bài bình luận của cư sĩ Đức Quý về bộ môn siêu hình; chỉ rõ những nguyên lý siêu hình căn bản cũng như những quy luật tổng quát trong sự điều hành của thần linh mà cư sĩ đã rút tỉa qua những chứng nghiệm huyền bí trong đời sống như: bịnh tà, bùa chú, phép lạ..., cùng với những bài khảo cứu về giáo thuyết của các đạo giáo như: Ấn Độ Giáo, Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Khổng Giáo...

Tất cả các bài đăng trong quyển sách này của cư sĩ Đức Quý đều đã được đăng trong Tập San Mật Giáo từ số 3 / 1985 đến số 17 / 1986.

Nhóm Biên Tập

Xuân 1986

Thơ ngỏ:

Bản thảo cuốn sách Phong thần và huyền bí học (1986) nay được cho tái bản lần thứ hai. Chúng tôi đã có ý giữ lại nguyên bản không sửa những sai sót về chính tả, chấm phết, và những chi tiết khác.

Mục đích là mong độc giả có được tinh thần của người biết đọc sách, được ý quên lời, không cần câu nệ hình thức mà chỉ cốt lấy được nội dung.

Ban biên tập

Cuối xuân 2005

MỤC LỤC

Phong thần và huyền bí học

Lời đầu	4
Vua Trụ Chọc Gheo Nữ Oa	5
Hồ-Lý Hợp Hồn Đắc-Kỹ	8
Vân-Trung-Tử Dâng Kiếm Trị Yêu	11
Na-Tra Xuất Hiện Nơi Ải Trần Đường	16
Khương-Thượng Xuống Núi	25
Khương-Thượng Về Trần Cưới Vợ	29
Tử - Nha Coi Bói	34
Tử-Nha Đốt Quỷ Hóa Tỳ Bà	43

CĂN NGUYÊN CỦA VŨ TRỤ

VÀ ĐỜI SỐNG THEO CÁC TÔN GIÁO

- | | |
|---|----|
| I. Thần Linh Toàn Năng hay Đấng Thượng Đế Hữu Ngã | 52 |
| II. Không có nguyên nhân đầu tiên | 54 |
| Không có Đấng Thần Linh Tạo Hóa | |

ĐẠI NÉT CỦA PHẬT GIÁO QUA LẬP TRƯỜNG

ĐI BIỆT CỦA CÁC GIÁO PHÁI 63

THIỆN ÁC 79

Lời đầu:

Trong “Thất Chơn Nhơn Quả” có đề cập đến việc một đạo sĩ tu Tiên và một hoà thượng tu Phật là hai bậc đắc đạo, có phép thần thông và am tường lẽ biến hoá của trời đất. Đạo sĩ Khuru-Trường-Xuân là thầy của vua còn hoà thượng Bạch – Vân (?) là thầy của hoàng hậu. Một tăng một đạo tranh tài cao thấp với nhau nên đã thi triển rất nhiều phép lạ và tạo nhiều việc thị phi khiến một ông thì sói đầu một ông thì mất chùa. Sau đó dứt việc hồng trần, hai ông mới hoà hiệp với nhau và mỗi người viết một pho truyện với mục đích là dung hoà Tiên-Phật. Do đó mới có bộ truyện “Phong Thần” và “Tây- Du”. Lần hồi người thế thêm thắt ít nhiều vào, có người lại đem ra bình luận mà không thông hiểu huyền học, nên khiến người đời càng thêm khó hiểu các chuyện thâm huyền... nay lại đem chuyện Phong - Thần nói lại để đọc giả mua vui, sau luận bàn điều huyền bí mà ôn cố tri tân ắt không phải là điều vô ích vậy!

Đức-Quý

Vua Trụ Ghẹo Nữ - Oa

Sau khi vua trụ lên ngôi được bảy năm thì có một số chư hầu nhỏ phía Bắc nổi loạn. Thái-sư Văn Trọng phải đi đánh dẹp. Vua Trụ không có người can gián nên thường gán gũ hai tên xu nịnh là Vu - Hồn và Bí - Trọng.

Ngày kia Thừa - tướng Thương – Dung tâu:

- Mai là ngày rằm, vía bà Nữ -Oa, xin Bệ hạ đi dâng hương cầu phước

Vua Trụ hỏi:

- Bà Nữ - Oa là người thế nào đến nỗi Trẫm phải bỏ ngai vàng đi dâng hương?

Thương – Dung tâu:

- Bà Nữ - Oa, em gái vua Phục – Hy, hiện là một vị thần linh hiển lẫm bởi trước kia bà có công rèn năm sắc đá vá trời giúp đời nên các triều vua đều lập miếu phụng thờ. Nơi nào có miếu thì mưa thuận gió hoà, đất nước được yên, dân gian khoẻ mạnh.

Vua Trụ nhận lời.

Hôm sau, vua Trụ truyền long giá ra đi, các quan theo hầu rất đông. Khi đến trước đền Nữ -Oa, vua Trụ bước xuống xe, đến nơi chính điện đặt một đỉnh trầm, và cùng các quan đồng lạy. Trên điện không thiếu gì các đồ trang hoàng thờ cúng quý báu, khói tỏa như mây mờ, uy nghiêm chẳng khác gì đền vua.

Bỗng một luồng gió nhẹ thổi qua làm vén nhẹ bức màn, vua trông thấy tượng bà Nữ - Oa rất rõ, hình dung như một người sống chẳng khác một nàng tiên, hương trời sắc nước không đâu bì kịp.

Vua Trụ mê mẩn một hồi liền truyền cho thị vệ đem bút mực đến và làm một bài thơ trên tường:

Lạnh lòng trướng phủ xả màn loan,

*Bóng sắc khen ai khéo điểm trang.
Liều uốn mày ngài khoe sắc lục,
Xiêm tung song nước điểm son vàng.
Hải đường sương đượm màu tươi tốt,
Thược dược ước ao đi trước đượm,
Đem về cung điện dựa thiên nhan.*

Thừa - tướng Thương – Dung thấy vậy thất kinh can gián vua và xin truyền lấy nước rửa đi. Vua Trụ không nghe. Các quan không ai dám nói lời nào. Sau đó vua Trụ truyền hồi loan.

Bà Nữ - Oa đi châu ba Thánh: Phục –Hy, Thần – Nông và Hoàng- Đế về nhìn thấy bài thơ nổi giận nói:

- Ân thọ hôn quân! Không lo sửa mình trị thiên hạ lại sanh tâm tà vậy, không sợ luật trời. Nếu ta không báo ứng sao gọi là linh. Nói rồi liền đằng vân bay vào triều muốn vật chết vua Trụ. Khi đến phía ngoài hậu cung bà Nữ - Oa gặp hai đạo hào quang xông cản lại, tính ra mới biết vua Trụ còn hai mươi tám năm nữa mới tận số, nên đằng vân về miếu.

Liên sau đó bà gọi Thế - Vân đồng tử lấy phương chiếu yêu truyền dạy các yêu đến châu và chọn ba con yêu tại mã Huỳnh - Đế là: hồ-ly ngàn năm, chim trĩ chín đầu và đờn tỳ -bà bằng ngọc thạch cho vào hầu.

Bà Nữ - Oa nói:

- Vua Trụ sắp đến ngày mất nước. Núi Kỳ Sơn phụng gáy nhà Tây Châu ra đời, đó là khí số do trời định. Ba người hãy giấu mình yêu quái trà trộn vào cung viện, làm cho Trụ vương điêu đứng. Đợi cho Võ Vương đánh Trụ thành công, ta cho chúng bây thành thần đó. Song cấm một điều không được làm hại bá tánh.

Ba yêu vâng lệnh rút lui ra, đằng vân về động.

Lời bàn

Quan niệm Thượng-Đế cai quản bách Thần, còn Thần linh gồm nhiều đẳng trật vẫn còn tồn tại qua các thế hệ khác của nhiều dân tộc. Người ta tin rằng phạm sức mạnh, vật hay người nào, nếu có ảnh hưởng nhiều đến cuộc nhân sinh của một dân tộc hay nhân loại đều là Thần linh cả. Từ thời cổ xưa, ta đã thấy có nhiều ngạch trật Thần linh như sau: Thiên- thần (Dyaus) Thần – Thái – Dương (Sargasavitri, Pusan) Thần - Ban – Mai hay Hiếu - Hồng (Usas) Thần - Sám hay Lôi – Công (Indra) Thủy - Thần (Apas) Thần – Phong – Ba (Bayu) Thần – Mưa (Parjanya) .v.v... và các linh vật như lân, qui, phụng, hổ, rắn, chim sùỵ- điểu v.v... cũng như đá, cây tùng, đờn tỳ - bà mà bắ́m thụ được nhiều thanh khí cũng đều thành Thần được. Người ta tin rằng các vị minh vương đều là những “thiên tử” do trời sai xuống mà cai trị nhân gian và khi qua đời đều trở thành Thánh mà lên ở trên trời làm các bậc phụ cận cho Thượng-Đế, tở như vua Phục – Hy, Thần – Nông, Đức – Thánh - Trần v.v... Riêng các vị công thần có nhiều chiến công hiển hách hoặc có công lớn trong một ngành nghề nào đối với dân tộc mình hoặc với nhân loại đều được hiển Thần cả, như bà Nữ - Oa đây là một thí dụ. Mặc dầu ở cõi vô hình, các vị ấy vẫn còn ảnh hưởng đến loài người có khi tiếp nối lo cho dân tộc mình hoặc có khi lãnh nhiệm vụ lớn hơn chi phối toàn thể nhân gian về một phần hành nào đó.

Hồ - Ly Hợp Hồn Đắc – Kỳ

Từ khi vua Trụ đi dâng hương đèn bà Nữ - Oa trở về, mê bóng sắc pho tượng đến nỗi ngủ không ngon, ăn không được, coi ba cung sáu viện như cỏ rác, chẳng đoái hoài đến. Tâm tư canh cánh bên lòng, buồn bã không muốn nói chuyện cùng ai nữa. Vu - Hồn và Bí - Trọng là hai kẻ nịnh thần mới dâng kế cho vua xuống lệnh cho bốn trấn chư hầu tuyển bốn trăm mỹ nữ đem dâng. May nhờ quan tể tướng Thương - Dung can gián thiệt hơn. Vua Trụ mới bỏ ý định kén chọn mỹ nhân.



Chẳng bao lâu sau vua Trụ lại nhớ đến việc kén chọn mỹ nữ vào cung. Bí - Trọng, Vu - Hồn sẵn không ưa Tô - Hộ, là vua chư hầu ở Kỳ - Châu vì không đem vật lễ riêng, đút lót như mọi người khác, mới đem Đắc - Kỳ con Tô - Hộ ra mà ngợi khen là một trang quốc sắc khuynh thành, hoa nhường nguyệt thẹn. Vua Trụ mới nảy ý cho Tô - Hộ đem Đắc - Kỳ cho tiến cung.

Tô - Hộ không thuận và làm một bài phản thi, rồi dẫn các tướng ra khỏi triều ca mà trở về nước. Vua Trụ nổi giận phái quan đến Kỳ - Châu vấn tội. Hai bên giao tranh mà làm thiệt hại nhân mạng rất nhiều. Sau nhờ quan Đại - Phu là Tăng - Nghi - Sanh đem thơ của Tây Bá - hầu Cơ - xương đến khuyên giải, Tô - Hộ mới qui hàng và truyền lệnh đưa Đắc - Kỳ đến triều ca mà dâng cho vua Trụ.

Tô - Hộ chọn ba ngàn kỵ mã, năm trăm gia nhân, sắm sửa xe loan, bảo Đắc - Kỳ điễm trang lên kiệu ra đi. Ngày kia đến trạm An- Châu thì trời tối, dịch thừa được tin liền đón tiếp và rước vào trạm nghỉ ngơi. Tô - Hộ bảo dịch thừa dọn thính đường để quý nhân nghỉ đêm. Được biết nơi đây thường nghe đồn đại là có yêu quái, Tô - Hộ xếp đặt cho 50 thế nữ theo hầu hạ trong phòng Đắc - Kỳ, 500 gia tướng canh phòng ngoài cửa, 3000 binh mã thì đóng bên ngoài. Riêng Tô - Hộ thì thấp đèn sáng ngồi xem sách ở nhà khách, lấy cây roi beo để trên bàn mà canh chừng cẩn mật.

Vào lúc canh ba vừa điểm, bỗng có một luồng gió lạnh thổi toạt đến ngọn nến gần muốn tắt rồi tỏ lại. Bỗng nghe tiếng la của bọn thế nữ:

- Yêu quái! Yêu quái!

Tô – Hộ vội xách đèn, cầm roi chạy vào thì ngọn đèn chột tắt. Ông truyền cho gia nhân thắp lên chỉ thấy bọn thế nữ đang cầm cập không ra tiếng.

Tô – Hộ vén màn hỏi Đắc – Kỳ:

- Con thấy có yêu quái gì không?

Đắc – Kỳ thưa:

- Con đang chiêm bao nghe thế nữ la hoảng, con dậy thì thấy bóng đèn của phụ thân dọi vào, không thấy yêu quái gì cả.

Tô – Hộ yên lòng trở lại nhà khách, nhưng có biết đâu lúc ấy hồ - ly đã hớp hồn, rồi nhập vào xác Đắc – Kỳ trả lời Tô – Hộ. Thật ra Đắc – Kỳ bây giờ chỉ còn là cái xác thôi, phần hồn đã bị yêu tinh chiếm đoạt rồi.

Lời bàn

Việc hồ - ly – tinh hớp hồn Đắc – Kỳ mới nghe qua tưởng rằng đó chỉ là một câu chuyện thần thoại hoặc nhằm nhí. Kể viết bài này chính mắt đã thấy hàng trăm vụ về những người bị phân vô hình nhập xác từ nhẹ cho đến nặng. Có những vụ diễn tiến giữa thanh thiên bạch nhật, trước năm bảy chục người hàng tiếng đồng hồ, nói năng, hành động một cách linh động khác thường và cực kỳ thông minh không thể nào ngờ trước được. Người học khoa huyền bí không lạ gì những chuyện này.

Nếu vụ Đắc – Kỳ bị hồ -linh –tinh nhập xác được các nhà tu huyền bí xác nhận là một chuyện thật 100% thì những hệ lụy khác được đặt ra. Vô hình có thể ảnh hưởng lên lời nói, hành động và tư tưởng của con người là một chuyện hoàn toàn đúng đắn. Từ đó thần thánh có thể được hiểu như có quyền lực điều khiển con người. Và như vậy những quyết định quan trọng của các lãnh tụ quốc gia đều chịu

sự chi phối nơi ý muốn của thần linh và do đó bộ máy thiên cơ được suy luận là có thật và do các đấng thần linh đảm nhiệm theo ý muốn của Thượng – Đế.

Hiểu nguyên tắc trên người ta mới thấy vụ Đắc –Kỷ bị hồ - ly – tinh vâng lời bà Nữ - Oa nhập xác mê hoặc Trụ vương và làm suy sụp một cơ đồ theo thiên ý là câu chuyện đúng với nguyên tắc siêu hình mà kẻ viết chuyện Phong - Thần là một người thâm hiểu.

Có cần một vụ Đắc –Kỷ theo kiểu xưa mới chi phối được các nhà lãnh đạo quốc gia hoặc những người có quyền quyết định vận mạng của một khối quốc gia hay một cuộc thế chiến có ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại không? Có trăm, ngàn cách khác nhau để chi phối đến tư tưởng, lời nói và hành động của một số nhân vật quan trọng mà nếu cần thiết thần linh có thể chiếm xác những cá nhân đó mà thực hiện mọi việc trong khi đó những người chung quanh không có kinh nghiệm về huyền bí học tưởng rằng chính những người đó tự hành động.

Hiểu được tới đây mới biết rằng bộ máy thiên cơ có thật và đời sống của những dân tộc hoặc nhân loại đều chịu sự chi phối chặt chẽ của thần linh. Tuy thế nhân loại vẫn còn có quyền tự do trong những công việc phụ thuộc ngoài những biến cố quan trọng đó.

Vân–Trung–Tử Dâng Kiếm Trị Yêu

Vân – Trung – Tử là một vị tiên tu ở núi Chung – Nam. Ngày kia đang hái thuốc thấy phía Đông Nam có khí yêu bốc lên, đoán biết là con hồ - ly – tinh đã nhập xác người đang tác quái.

Ông nghĩ: ta mang nghiệp tu hành cốt làm điều nhân đức, nếu không vì thiên hạ mà trừ con yêu ấy thì nhân gian ắt sanh ra lắm chuyện khổ đau. Ông liền gọi học trò là Kim – Hà đồng tử, bảo bẻ một khúc tùng khô để đẽo một cây gươm trừ yêu. Xong ông xuống triều ca xin yển kiến vua Trụ.

Thấy đạo sĩ làm lễ mà không bái, vua Trụ rất phật ý nhưng nghe sự đối đáp của đạo sĩ có nhiều ý lạ nên mới chỉ chiếc cấm đôn mà mời ngồi.

Vân – Trung – Tử chẳng hề khiêm nhường, rồi ngồi lên ghế rồi nói:

- Như thế mới phải chứ. Ngồi cưỡi trùng cũng quý, mà đạo Tam giáo cũng cao, lẽ nào không ý thức được?

Trụ Vương hỏi:

- Đạo tiên cao ở chỗ nào?

Vân – Trung – Tử khế đáp:

- Gặp khách tiên thì giảng kinh, nói chuyện. Gặp bạn đạo thì uống rượu ngâm thơ. Cười vui theo ý muốn, nói năng theo thích lòng. Không cần bó buộc, chẳng luận nể nang. Luận việc thịnh suy thời thế, xét điều cội rễ linh hồn. Mặc ý nắng mưa thay đổi, không cần câu thúc thời gian. Đổi già hóa trẻ, tóc bạc trở xanh. Vào non hái thuốc, chữa bệnh cứu người. Biết dữ lành vì thông quẻ bói, biết họa phúc vì rõ lòng người. Truyền phép đạo mở đường cứu thế, làm phép bùa trừ khử yêu ma. Đạo cao rộng cạo sọc, đức trọng quí thần kiên. Cỡi mây xanh bay lên phủ tía, ngồi hạc trắng dạo khắp cung tiên. Biết máy thiên tạo hóa, thông đạo đức thần linh.

Trụ Vương nghe một hồi cũng vui tai bèn phán:

- Đạo sĩ đến đây có điều chi chỉ giáo?

Vân – Trung – Tử nói :

- Bàn đạo thấy yêu khí xuất hiện tại triều ca, khi đến đây thấy quái khí tụ nơi cung cấm. Bởi vậy bàn đạo cố ý xin Bệ hạ trừ yêu quái để cứu muôn dân.

Trụ Vương hỏi:

- Nếu trong cung có yêu thì làm cách gì trừ được?

Vân – Trung – Tử đáp:

- Không khó gì. Tôi có một thanh gương bằng gỗ, Bệ hạ đem trần trong cung tự nhiên yêu ma phải chết.

Trụ vương liền sai một nội thị đem gương treo tại lầu Phấn cung theo như lời của đạo sĩ.

Đây nói về vua Trụ sau khi bãi triều về đến dinh Thị Tiên không thấy Đắc – Kỷ ra đón, lòng hồi hộp không yên, chợt có quan nội thị ra bẩm.

- Tô mỹ nhân lâm bệnh nặng thêm thiếp trên giường.

Trụ vương thất kinh vội bước xuống long xa, hối hả vào phòng khoát màn, xem thấy Đắc –Kỷ mắt trắng nhợt, môi như giấy bạch, nằm thờ phèo phèo như gần đứt hơi.

Đắc – Kỷ gắng gượng mở mắt nhìn vua Trụ và nói thều thào:

- Bệ hạ ơi, khi mai thần thiếp đưa Bệ hạ lâm triều, thần thiếp đoán chừng Bệ hạ gần về nên ra ngoài đón, chẳng ngờ khi đi qua lầu Phấn cung, thần thiếp trông thấy cây gương treo ở đấy nên giạt mình toát mồ hôi ra, bệnh tình thế này.

Vua Trụ nghĩ là lão đạo sĩ đã dùng tà thuật hại người yêu của mình, bèn truyền cho nội thị đem gương phép ra đốt tức khắc.

Đắc – Kỷ lần lần tỉnh lại, sắc diện trở nên xinh đẹp như thường. Bây giờ Vân – Trung – Tử chưa về núi, còn ở chốn triều ca, thấy yêu khí bỗng nhiên từ trong cung xông lên nữa, lấy làm lạ đánh tay tính quẻ một hồi rồi gật đầu thềm nhủ:

- Ta muốn đem gương báu trừ yêu khí, giúp đỡ cơ nghiệp Thành – Thang, nào ngờ số trời đã định, khó nổi đời, nên khiến gương từng bị đốt, thần tiên sẽ bị nạn.

Nghĩ rồi viết một bài sấm lên tường:

“ Khi yêu quái rối cung càn, Thánh đức bủa giăng hướng Dậu. Muốn hay máu nhuộm triều ca, Giáp – tỵ trong năm Mậu – ngũ.”

Nhiều người tự cho mình là hay chữ, vây quanh đông đúc, xem mãi vẫn không tìm được ý thơ.

Lời bàn

Người ngay thấy kẻ gian thì không thích. Vân – Trung – Tử phát hiện được hồ - ly xuống trần nhập xác người tác quái thì muốn ra tay trừ khử. Ông cho đeo một khúc từng khô để làm gương phép trừ yêu quái. Tại sao gương từng tóm phép trấn tại cung cấm mà Đắc – Kỳ đang bị hồ - ly - tinh nhập xác khi đi ngang qua phải lâm trọng bệnh? Cây gương đó có huyền lực gì? Người không am hiểu về huyền học hoặc am hiểu không thấu đáo thì sẽ giải thích một cách mơ hồ, huyền hoặc về vấn đề này. Cây gương từng tự nó là cây gương từng, một vật hữu hình tượng trưng cho một cái gì đó vô hình để người đời có thể hiểu một ý nghĩa mà họ không thể thấy bằng các giác quan thông thường. Cái sức mạnh vô hình hay sức linh ẩn tàng nơi cây gương thật sự là một vị thần hộ pháp mà Vân – Trung – Tử là một vị tiên đắc đạo đã triệu thỉnh để trấn giữ. Đắc – Kỳ là người, hồ - ly là tinh đã dựa vào nhập xác. Đắc – Kỳ hữu hình. Hồ - ly vô hình bị trấn yểm bởi cây gương hữu hình và hộ pháp thần vô hình.

Người đời chỉ thấy sức linh là Đắc – Kỳ lâm bệnh nặng vì cây gương phép. Riêng những nhà tu huyền bí thì thấy hồ - ly – tinh bị khớp vía trước vị thiên tướng (hộ pháp). Ở đây nếu có đi sâu vào bộ môn vô hình, người ta còn có thể hiểu rõ hơn là hồ - ly – tinh đã có sắc lịnh của bà Nữ - Oa xuống trần để mê hoặc Trụ vương và phá hoại cơ nghiệp Thành – Thang như thiên cơ đã định. Vân – Trung – Tử chỉ thấy

yêu quái mà không biết được công tác bí mật của hồ -ly đã được giao phó. Khi trao cây gương, thần hộ pháp liền trấn giữ nơi đó. Hồ - ly theo Đắc – Kỳ đi ngang qua ắt phải bị chặn lại và tra hỏi. Hồ -ly xuất trình ấn lệnh của mình, nhưng phải nể mặt nhà tu huyền bí Vân – Trung – Tử kia mà hành xác Đắc- Kỳ lâm trọng bệnh để người thế thấy một phần phép linh của đạo sĩ. Sau đó bày cho Trụ vương đốt gương thì thôi hành xác Đắc – Kỳ, tức thì sắc diện trở lại bình thường. Thật sự theo khoa Mật – Giáo thì cây gương đó không còn tác dụng gì nếu như cứ để đó mà không đốt đi. Nhưng lúc nào hữu hình cũng phải phối hợp nhịp nhàng với vô hình: Gương cháy bệnh hết.



Vân – Trung – Tử thấy yêu khí lại xông lên lấy làm lạ, bấm tay tính quẻ (thật sự nếu muốn gọi là nhập tam muội hay thỉnh lại ý thiên cũng thế) mới hay là thiên cơ đã xếp đặt như thế, ông bèn làm một bài sấm hé lộ thiên cơ rồi về động.

Vân – Trung – Tử có sơ sót không thỉnh ý với thiên đình trước khi tra tay vào việc, nhưng cũng còn kịp thời lui bước khi thấy gương phép không linh. Còn hơn một số đạo sĩ mê muội học được chút ít pháp thuật, không tham hiểu huyền học lại mó tay làm càn, thấy bùa phép không linh vẫn ngoan cố chống chọi yêu tinh mà có khi bị rượt thất điên bát đảo hoặc ra tay đã thương xác trần mà cho là đánh yêu quái để cuối cùng bỏ đạo không tu nữa vì cho phép của thần tiên thua loài ma quỷ.

Riêng đối với “sấm cơ”, các sách Trung Hoa thường đề cập đến. Tỉ như trong “Đông Châu Liệt Quốc” đời vua Tuyên vương nhà Châu thường có bọn trẻ hát:

“ Thỏ mọc thì Ác phải tà.

Yểm – hồ cơ – bạc ấy là mắt Châu”

Hoặc trong truyện “ Hán Sở Tranh Hùng” khi Tần – Thủy – Hoàng sắp mất ngôi thường có những báo điềm như ở sườn núi Kê đầu có một đám mây mờ hiện năm vầng hào quang sáng chói và giấc mộng Thủy – Hoàng thấy bị hai đứa trẻ bận áo xanh và áo đỏ đoạt lấy vàng thái dương. Báo điềm hay các câu sấm thường là do thần nhân mật khải cho con người trước một số biến cố quan trọng của nhân loại. Phải là người dự cuộc trong thiên cơ hoặc thông hiểu huyền học mới có đủ dữ kiện để đoán giải. Riêng quần chúng dù học cao hiểu rộng cũng không thể nào tìm hiểu được trọn vẹn chỉ cốt đoán mò mà thôi.

Na- Tra Xuất Hiện Nơi Ải Trần – Đường

Đây nói về ông Thái - Ất ở động Kim - Quang , thuộc núi Cát – Nguyên là một vị tiên sống trên cả ngàn năm (ấy bởi luật thiên đình, muốn dùng các tiên ra giúp Khương – Tử - Nha, chém tướng Phong – Thần cho đủ chức, sau khi nhà Châu diệt nhà Thương xong, đem lại thái bình cho muôn dân, chừng ấy ông Nguyên – Thi mới tiếp tục giảng kinh lại và các tiên mới được phép tu tiếp). Ngày kia ông đang ngồi trong động, bỗng thấy Bạch – hạc đồng tử đến nói:

- Ngài Nguyên – Thi dạy rằng: Chẳng bao lâu sẽ sai Khương – Thượng ra đời, vậy ông phải cho Linh- Châu- Tử đầu thai xuống trần kéo trẻ.

Thái - Ất thấy có lệnh thầy mình ban xuống, liền cuối đầu đón nhận.

- Việc ấy ta đã biết rồi.

Bạch hạc đồng tử liền giã từ ra về.

Bây giờ tại ải Trần- Đường, quan tổng binh là Lý – Tịnh vốn học trò cũ của ông Đệ - Ách ở núi Côn – Lôn, khi còn nhỏ có đi tu, sau bị đuổi về, ra phò vua Trụ. Vợ Lý – Tịnh là Ân phu nhân sanh được hai con, hình dung tuấn tú. Con lớn tên là Kim- Tra, con nhỏ tên là Mộc – Tra. Đến nay Ân phu nhân lại mang thai nữa, hơn cả năm mà chưa khai hoa nở nhụy.

Lý – Tịnh buồn bã than:

-Thai nghén khác thường chắc là loài quái thai.

Ân phu nhân cũng sợ, nhưng không biết làm sao.Đêm kia, Ân phu nhân đang nằm ngủ trong phòng, thấy một đạo sĩ đầu chừa hai vá, tay cầm gậy, râu dài được bước đến.

Ân phu nhân nạt lớn:

- Thầy là ai? Không biết phép, dám vào phòng riêng của ta?

Đạo sĩ nói:

- Phu nhân mau lãnh con quý.

Nói xong ném một vật lạ vào bụng của bà. Phu nhân giật mình thức dậy, mồ hôi ướt đẫm mình, gọi chồng thuật lại câu chuyện, vừa xong thì chuyển bụng, rên la rất dữ. Phu nhân đã đến lúc lâm bồn. Được một lúc thế nữ ra thưa cùng Lý- Tịnh:

- Phu nhân đẻ ra một cái quái thai.

Lý – Tịnh nghe nói thất kinh, xách gương vào phòng, nghe mùi thơm ngào ngạt, chợt thấy trên giường phu nhân có một cái bọc lớn bằng cái bánh xe. Lý- Tịnh cầm gương chém rách cái bọc ấy, tức thì bên trong có một đứa bé, mình chiếu hào quang, mắt như dòi phấn.

Lý – Tịnh vội bồng đứa bé trao cho phu nhân. Vợ chồng trầm trồ, tưng như trứng mỏng.

Hôm sau có một đạo sĩ đến trước ải xin vào ra mắt. Lý – Tịnh trước kia là người tu hành, nên không dám xem thường các đạo sư, liền ra rước vào.

Lý – Tịnh hỏi:

- Chẳng hay đạo sư ở núi nào?

Đạo sĩ nói:

- Ta là Thái - Ất ở động Kim –Quang , núi Cát – Nguyên, nghe tướng quân sanh con quý nên đến chúc mừng. Vậy cho ta xem thử.

Lý – Tịnh truyền thế nữ bồng đứa bé ra ngoài. Thái - Ất đứa bé vào lòng xem xét và hỏi:

- Sanh vào giờ nào vậy?

Lý – Tịnh đáp:

_ Đúng vào giờ Sửu.

Thái - Ất nói:

- Không tốt.

Lý – Tịnh nói:

- Khó nuôi lắm sao?

Thái - Ất nói:

- Sanh nhằm giờ ấy thì phạm sát sinh. Nó giết hơn một ngàn bảy trăm mạng.

Thái - Ất tiếp:

- Sau này cho nó theo tôi làm đệ tử có được không?

Lý – Tịnh đáp:

- Được đạo sư thương tình như vậy còn gì quý hơn.

Thái Ất hỏi:

- Tướng quân được mấy vị công tử?



Lý – Tịnh đáp:

- Tôi có ba đứa con trai. Thằng lớn tên Kim – Tra đi học với Văn –Thù ở núi Ngũ –Long. Thằng thứ nhì tên là Mộc – Tra đi học với Phổ - Hiền ở núi Cửu –Cung. Còn thằng thứ ba đó, nếu đạo sư muốn dùng làm đệ tử xin cứ đặt tên.

Thái -Ất nói:

- Ta đặt nó là Na – Tra, cũng lấy chữ hai đứa lớn.

Lý – Tịnh cảm tạ, rồi truyền dọn cơm chay thết đãi.

Thái - Ất nói:

- Ta có việc gấp, xin kiếu về.

Lý – Tịnh đưa ra khỏi phủ.

Lời bàn

Truyện Phong – Thần ở những đoạn sau có ghi rõ: Thượng –Đế phó thác cho ba vị giáo chủ thời đó: Nguyên Thi Thiên Tôn – Thái Thượng Lão Quân – Thông Thiên Giáo Chủ xếp hạng và thông qua bảng Phong Thần để chọn các môn đệ của mình ai đắc Tiên và ai chứng quả Thần.

Bây giờ ông Nguyên Thi lãnh nhiệm vụ giáo đạo cho loài người để tu lên Tiên, nên người ta gọi ông là giáo chủ của phe “ Xiển giáo”, tức là phe chánh đạo. Đức Thông Thiên Giáo Chủ là thầy của phe “Triệt Giáo” hay phe tà đạo, sở dĩ bị gọi như thế vì bên khối Triệt gồm các loài vật, cây, đá... tu để thành Tiên, nhưng vì bảm tánh nhiều nặng trước nên thành Thần thì nhiều mà thành Tiên thì rất ít. Ông Thông Thiên đi họp ở thiên đình về có thông báo cho các môn đệ mình rõ và khuyến cáo: Bên khối Triệt nhiều người sẽ bị diệt vong, ai ở yên trên động tưng kinh Huỳnh Đình thì thành Tiên, còn bằng không cãi Trời xuống núi mà đa đoan thế sự ắt phải bỏ mạng mà lên đài Phong Thần. Đó là việc thiên cơ đã ấn định.

Nói đến thiên cơ tức là cơ trời đã định sẵn, người ta thường có rất nhiều quan điểm trái ngược nhau:

Những người tin vào thuyết định mệnh thì chấp nhận việc đó một cách dễ dàng và có khi còn đi quá xa khi cho rằng “ Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định” (miếng ăn miếng uống đều do trời định trước cả).

Một số người khác phủ nhận thuyết định mệnh và quyền hạn của thần linh, đã đưa ra những luận cứ hết sức mạnh mẽ để bài bác Thượng - Đế và thần linh như là những nhân vật hoặc năng lực có thể chi phối đến con người và cuộc nhân sinh. Giáo thuyết Tiểu - thừa Phật giáo có ghi: “ Như vậy, chính do sự tạo tác của đấng tối cao mà con người trở nên sát nhận, trộm cắp, tà dâm, giả dối, phỉ báng, thô lỗ, nhảm nhí, thèm thuồng, khao khát, hiểm độc, tinh quái và hiểu biết sai lầm. Do đó nếu chủ trương có một thần linh là nguồn gốc của tất cả những điều ấy thì sẽ không có sự cần thiết để làm, hoặc để tránh hành động ấy.” Người có mắt ắt thấy cảnh đau thương của đời sống. Tại sao Brahma (Thượng - Đế) không tạo một vũ trụ hoàn toàn tốt đẹp, nếu oai lực của Ngài là vô hạn? Tại sao ít khi Ngài nâng tay để ban phước lành? Tại sao tạo vật mà chính Ngài đã sinh ra lại phải bị đọa đày trong cảnh khổ? Tại sao Ngài không ban hạnh phúc cho tất cả? Tại sao đời sống lại đầy dẫy những sự giả dối lừa đảo, si mê? Tại sao gian tham toàn thắng chơn thật, và công lý lại thất bại? Ta liệt Brahma (Thượng - Đế) vào dạng bất công đã tạo nên một thế gian hư hỏng”. Trong một đoạn sách khác có chép: “ Nếu có một thần linh toàn quyền, ban phước cũng như gieo họa cho tạo vật được chính Ngài tạo ra và cho chúng nó những hành động tốt hay xấu, thần linh ấy quả thật đầy tội lỗi. Con người chỉ thừa hành ý muốn của Ngài.”

Ngay cả trong thần học Thiên Chúa Giáo, một tôn giáo hoàn toàn tín ngưỡng vào sự tạo lập ra vũ trụ và muôn loài do một đấng Thượng - Đế toàn năng, toàn giác cũng đã có một số ý kiến đối nghịch lại với niềm tin vào khả năng tuyệt đối của Đức Chúa Trời khi cho rằng Thượng - Đế chỉ tạo ra điều thiện, nhưng Sa – Tăng đã tạo phản lại với Đức Chúa ngay từ lúc tạo lập con người (Bà Eva bị con rắn Sa – Tăng cám dỗ ăn trái cấm) trong một cuộc tranh chấp triền miên cho đến ngày nay. Đi xa hơn nữa giáo sĩ còn cho rằng các chính phủ của các nước trên thế gian từ xưa đến

nay đều chịu sự sai khiến của ma quỷ, nghịch lại với nước trời trong cuộc tranh đấu bất phân thắng bại giữa Thiên và Ác.

Đoạn sau đây trích nguyên văn trong quyển “Lẽ thật duy nhất dẫn đến sự sống đời đời.”, một tác phẩm xuất bản lần thứ nhất có đến 10000000 bản do nhà xuất bản Watchtower Bible and Tract Society of New York, Inc., trang 59 phần “ma quỷ là vua chúa thế gian này”. (Giăng 12:31; 14:30; 16:11) Trong II Cô-rinh –cô 4:4, ma quỷ được gọi là “chúa đời nay”. Do đó, có thể suy luận rằng tất cả các nước trên trái đất này đều phục dưới quyền của Sa – Tăng, ma quỷ hay không? Kinh thánh giải đáp: “Cả thế gian đều phục dưới quyền ma quỷ” (I Giăng 5:19) Như vậy, với tư cách “vua chúa thế gian này”, ma quỷ ảnh hưởng lớn trên loài người, dễ dàng loài người và cả đến dẫn dắt các chính phủ nữa (Khải Huyền 16: 13, 14).

Nếu bạn mở kinh thánh và đọc Khải Huyền 12:9 bạn sẽ chú ý rằng nơi câu ấy ma quỷ được gọi là “con rồng lớn”. Đoạn tiếp theo (câu 1 và câu 2) cho chúng ta biết con rồng ấy là ma quỷ, đã lấy sức mạnh, ngôi và quyền phép lớn mà cho “con thú” ấy tiêu biểu sự gì? Trước hết, Sa – Tăng sử dụng quyền phép nó trên cái chi? Sa – Tăng đã đề cung gì với Jesus – Christ? “hết thầy mọi nước trên thế gian” (Luca 4:5-8) Jesus đã bác khước ngay đề cung ấy, tuy nhiên Ngài đã không phủ nhận rằng ma quỷ thông trị các nước chính trị của thế gian. Phù hợp với điều đó, Khải Huyền 13:7 nói về “con thú” tượng trưng, “nó được quyền trị mọi chi phái, mọi dân tộc, mọi tiếng và mọi nước.” Đoạn, nhà tiên tri Danien đã nhận rõ những con thú bằng cái chi? Bằng các “nước” hay chính phủ. (Danien 7:2 -7, 17, 23) Các con thú tượng trưng của sự hiện thấy của Danien và “con thú” của Khải Huyền đều có một ý nghĩa tương tự. Bằng chứng về sự này là hai tiên tri ấy đều nói đến những con thú giống nhau: một sư tử, một con gấu, một con beo và một con thú có 10 sừng. (Khải Huyền 13:1, 2) Do đó “con thú” tiêu biểu toàn thể tổ chức chính trị của ma quỷ, nó đã được thực hành một sự thống trị có tánh cách thú vật trên trái đất này trải qua nhiều thế kỷ và cho thời kỳ chúng ta. Không phải lạ lùng khi Jesus – Christ đã tuyên bố “nước của ta chẳng phải thuộc về thế gian này”, và các môn đệ Ngài cũng không thuộc về thế gian, tranh xen vào các công việc của thế gian (Giăng 18:36 17:14-16)

Không như Tiểu - Thừa Phật Giáo phủ nhận quyền lực của Thượng - Đế và thần linh có thể ảnh hưởng đến vũ trụ và nhân loại, và cũng không như thần học Thiên Chúa Giáo khi coi rằng thế giới đã và đang bị hướng dẫn bởi các chính phủ thế gian đối nghịch lại với ý chí của nước Trời, các nhà đạo học và huyền học Đông phương đã tỏ ra hiểu biết sâu sắc hơn khi nhìn và giải thích các diễn biến của tạo vật chung quanh. Khoa luận lý hình thức (logique formelle) đã tỏ ra lúng túng khi va chạm với những cặp mâu thuẫn như sau: có không, phải quấy, thiện ác, lành dữ, cương nhu, tối sáng, lạnh nóng, sanh tử, âm dương v.v... nhưng chúng không có vẻ gì kỳ lạ đối với những tư tưởng gia phương Đông. Các nhà hiền triết Á Đông đã giải thích những cặp mâu thuẫn đó như sau: Ở thiên Thu Thủy, Trang Tử viết: “ Mỗi đều có hai phương diện. Muốn có phải mà không có quấy, muốn có trị mà không có loạn là chưa rõ cái lý của trời đất, cái tính của vạn vật, ấy là mơ trời mà không có đất, mơ âm mà không có dương, hai phương diện đồng có của mọi vật. Muốn phân hai phương diện tương đối ấy ra làm hai phần khác biệt, thì thật là vu phản nếu không nói là ngu xuẩn.”



Trong kinh Dịch, nho gia Châu Hy cũng có nói: “ Hễ tịnh cực thì động sinh, ác cùng thì thiện sanh.”

Đạo Đức kinh cũng có viết: “ Đạo sanh một, một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật. Trong vạn vật không vật nào là không công âm bằng dương. Nhân chố xung nhau mà hoà với nhau”, hoặc: “ Họa là chỗ dựa của phúc, phúc là chỗ dựa của họa”, hay “ Gió lốc không thổi suốt một buổi mai, mưa rào không mưa suốt một ngày trường” và “ Mặt trời qua thì mặt trăng lại, mặt trăng qua thì mặt trời lại, mặt trời mặt trăng cùng xô đẩy nhau mà có sáng. Lạnh quá thì nóng lại, nóng quá thì lạnh lại, lạnh nóng cùng xô đẩy nhau mà năm mới thành vậy.”

Thật ra nếu nghiên cứu chu đáo, ta sẽ thấy tầm tối biết mấy khi trách: “ Trời đất không có lòng nhân, xem vạn vật như loài chó rơm”. Những mâu thuẫn sẽ không còn là mâu thuẫn nữa nếu ta hiểu được: Nhục là điều kiện của vinh, nghèo là điều kiện của giàu, tối là điều kiện của sáng, quấy là điều kiện của phải, hư là điều kiện của nên, thất bại là mẹ thành công, đau khổ là điều kiện của hạnh phúc, văn minh là điều kiện của suy tàn, động là điều kiện của tịnh, phiền não là gốc của bỏ đê, Đê - bà - đạt – Đa là thiện tri thức của Phật, Phật pháp bất ly thế gian pháp, sinh tử là niết bàn, thiên ma ngoại đạo là Bồ tát thị hiện, Phật là càn thi quyết. .v.v....

Hiểu nguyên lý trên đây ta mới có thể hiểu thiên cơ đã sắp sẵn cuộc tranh hùng cho phe Xiển và phe Triệt trong truyện Phong - Thần. Riêng về việc giải thích một cách tỉ mỉ nguồn gốc và lý do của các sự việc trên, hình như hầu hết các giáo chủ đều tìm cách tránh né và viện dẫn: “ Thiên cơ bất khả lậu” – “ Kính nhi viễn chi” – “Đạo khả đạo phi thường đạo” – “ Bất khả tư nghi” – “ Ta biết rất nhiều nhưng chỉ tiết lộ được bằng nắm lá trong tay” – “ Phước cho kẻ nào không thấy mà tin”, v.v... Người học khoa Mật Giáo không bị ép uổng phải công nhận một tín điều nào cả trước khi có thể quan sát, thực nghiệm và hệ thống hoá một định luật siêu hình nào. Họ có bốn phận học hỏi tất cả các giải thích của các giáo thuyết khác nhau, nhưng học phải được toàn quyền để kiểm chứng lại cho đến khi họ chịu chấp nhận một lời giải thích nào đó. Quan niệm như thế mật Giáo mới được gọi là bộ môn “Khoa học siêu hình” bằng không nó chỉ là một bộ môn huyền hoặc.

Các nhà huyền học chính mắt đã thấy những quyền năng của thần thánh có thể giáng phước cũng như chiếu họa cho con người trong rất nhiều trường hợp cụ thể. Họ có lý do xác đáng để tin tưởng và tuyên bố Thượng -Đế và thần linh có toàn

quyền chi phối đến sinh mệnh của các dân tộc và toàn thể nhân loại trên quả địa cầu này... và dĩ nhiên theo một duyên do nào đó mà trí óc nhỏ hẹp của con người không thể hiểu thấu được. Tạo hoá không cần phải giải thích cho họ hiểu những sắp xếp của bộ máy thiên cơ, ngoại trừ một số rất ít nhà tiên tri có liên hệ đến việc đó. Nhân loại cần khiêm tốn để học hỏi: “ Tất cả đều có ý nghĩa, ngay những gì mà ta cho là vô ý nghĩa.”

Khoa huyền bí cũng đã xác nhận phàm những nhân vật có thiên mệnh đi xuống trần gian mang thể xác con người đều có những báo điềm trước khi sanh, đang sanh và sau khi sanh. Nhưng có điều người thế thường thêm bớt câu chuyện nên đã tạo dựng nhiều huyền thoại cho các bậc giáo chủ, những nhà tiên tri mà họ tôn kính, đến mức có vẻ hoang đường. Ngoài ra trong phần truyện có đề cập đến Đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và Đại hạnh Phổ Hiền Bồ Tát là hai vị Bồ Tát của Mật Tông Phật Giáo bên Tiên Đạo; đó cũng là một minh chứng cho sự dung hoà Tiên, Phật của tác giả pho truyện Phong - Thần vậy.

Khương - Thượng Xướng Núi

Thượng - Để có lệnh truyền cho ông Nguyễn - Thi xét ông hiền, ông dữ và thực hiện bản Phong - Thần. Với cơ ấy nên ông Nguyễn - Thi truyền đóng cửa động và không còn giảng kinh cho các môn đệ. Hơn nữa ông cũng đã dự trù cho học trò mình là Khương - Tử - Nha xuống núi làm tướng để thực hiện thiên cơ như đã ấn định.

Ngày kia ông Nguyễn - Thi sai Bạch - Hạc đồng tử đến để dạy việc. Bạch - Hạc đồng tử tuân lệnh đến dò, Tử- Nha ứng hầu lập tức. Đợi Tử - Nha làm lễ xong xuôi Nguyễn - Thi truyền:

- Người lên núi được mấy năm?

Tử - Nha thưa:

- Đệ tử tu hồi 23 tuổi, đến nay đã được bảy mươi hai rồi.

Nguyễn - Thi nói:

- Nay Thành – Thang hết vận, Tây Châu ra đời. Người phải thay ta xuống trần ra công giúp nước, lập bản Phong Thần. Sống làm tướng, chết làm thần. Như vậy công tu luyện của người mấy chục năm nay không uổng.

Tử - Nha năn nỉ:

- Đệ tử cố bỏ nhà lên núi, dốc lòng lánh tục tìm tiên, bốn chục năm đủ bỏ đời theo đạo. Vẫn biết tu hành là khó, muốn thành chánh quả không phải một sớm một chiều, nhưng đệ tử đã theo thầy học tập lâu nay, xin thầy làm ơn cứu rỗi, nỡ nào đuổi đệ tử trở lại phàm trần!

Nam Cực Tiên Ông khuyên:

- Tử - Nha! Số người đã định, xuống giúp thế gian, thực hiện xong nhiệm vụ, rồi sẽ trở về non theo đạo thì tốt hơn.

Tử - Nha không còn biết nói sao hơn, đành sửa soạn ra đi, và hỏi Nguyễn - Thi:

- Nay đệ tử vâng lời về chốn phàm trần, chẳng hay việc sắp đến ra thế nào, xin thầy chỉ giáo.

Nguyên – Thi nói:

- Ta có tám câu kệ, chỉ rõ trọn đời người. Người hãy nhớ lấy. Nói rồi ngâm:

*Mười năm chịu cảnh áo còn bầu,
Gượng gạo mua vui chớ chác sầu.
Ngồi đá bàn-khê câu đọi vận,
Chờ xe vương giả rước về lầu.
Tám mươi lễ nửa mang đai ngọc,
Chín chục dư ba buộc ấn hầu.
Mộ ngũ chư hầu trăm trấn phục,
Phong thần chín tám bốn xuân thu.*

Nguyên- Thi ngâm kệ rồi nói:

- Tuy bây giờ người xuống đời, nhưng ngày sau cũng về núi.

Tử -Nha lạy thầy già bạn, ra khỏi cung Ngọc – Hư. Nam Cực Tiên Ông theo đưa ít dạm, đến núi Kỳ- Lâm, dặn Tử - Nha:

- Mấy lời thầy đã dạy, hiền hữu chớ bỏn chồn. Ngày nay xa cách, nhưng có lúc gặp nhau. Xin tạm biệt.

Tử Nha lạy tạ, cáo từ Nam Cực Tiên Ông và xuống núi.

Lời bàn

Pháp tu của bất cứ tôn giáo nào đại loại cũng chia làm hai giai đoạn: tiêu cực và tích cực.

Trước tiên người tu phải lánh trần tìm nơi tĩnh mịch, hoang vắng hầu tham thiền suy tưởng đến những nguyên lý hữu hình cũng như siêu hình của vũ trụ và cuộc nhân sinh để tìm ra lẽ đạo của trời đất. Họ thường hay hãm mình, ép xác, tu

sửa bản thân và thực hiện nhiều phương cách tu tập cầu kỳ, khó khăn. Có khi như có vẻ đày đọa xác thân, hoặc một cách nào đó mà người thế trông như có vẻ điên khùng để mong tìm cứu cánh của sự giác ngộ. Đó là giai đoạn xuất thế mà người tu phải trải qua trong giai đoạn học đạo và tu đạo và thường có tâm trạng tiêu cực, phủ nhận các thực thể đời sống hiện tại; đó là lúc mà có thiền sư đã nói:” sông không còn là sông, núi không còn là núi.”

Trong cái thái độ thái quá phủ nhận và vượt khỏi hiện thực để mong cầu trạng thái niết bàn, thiên đàng, giải thoát... Tu sĩ đã lần hồi thấy được, hiểu được Đạo không phải ở trong sự phủ nhận thế giới này và kiếp nhân sinh, không phải ở trong sự tu đày đọa thể xác để tìm ra giá trị tinh thần, không phải ở trong cái thiện để phủ nhận cái bất thiện, không phải là hoa sen thơm ở ngoài cái đầm bùn. Trong sự phân biệt nhị nguyên của lý luận nông cạn lúc ban đầu, họ đã thấy được rõ ràng ánh sáng của đời sống sẽ tiếp diễn ở bên kia cõi tử, họ đã liễu ngộ được sự an lạc trong những cơn xuất thần, trong những giờ đại định, họ đã từng ghé chân đến thiên đàng, niết bàn trong những cơn định sâu; Họ đã chính mắt thấy được lẽ huyền diệu của Đạo bằng trực giác; họ đã trực diện với đời sống tâm linh một cách thiết thực và rõ ràng...Cái mà con người gọi họ là kẻ đắc đạo và đạt đạo và mệnh danh họ bằng nhiều danh từ khác nhau: Thánh, A – la – hán, Phật v.v.

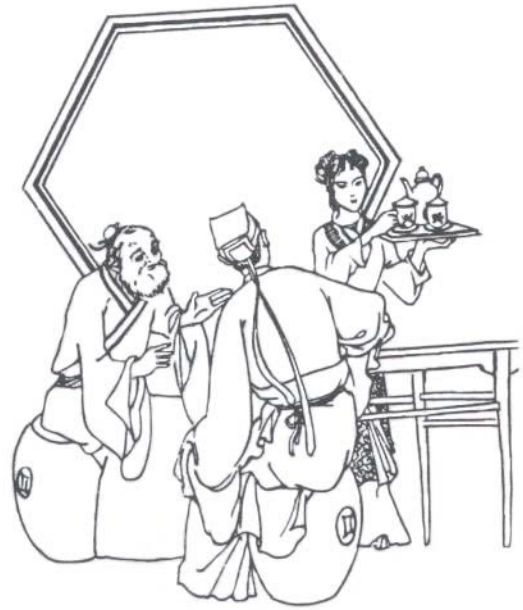
Trong sự liễu đạt các thực chứng đó, họ đã an tâm và không còn lo sợ cái chết là chấm dứt cuộc hành trình của họ. Họ không còn quá nhiều lo lắng để đắm mình trong sự ngốc ngếch lo âu của đời sống quay cuồng, động loạn của kiếp nhân sinh ngắn ngủi. Họ an tĩnh bước vào giữa dòng đời, sinh sống, truyền đạt những gì họ đã giác ngộ, chấp nhận những biến thiên của kiếp sống, sống như mọi người mà không bị vọng động, lo âu, sợ hãi, ngu muội như con người. Họ cũng buồn, vui, ăn uống, ngủ nghỉ, sinh hoạt nhưng khoáng đạt và giải thoát vì họ đã qua khỏi cảnh sống chết này từ lúc họ thực chứng được cái mà các tôn giáo hằng gọi là niết bàn. Họ đã trở về với thế gian sau thời gian lánh tục. Họ đã lại nhập thế để làm ích lợi cho thế gian. Đó chính là cái ý nghĩa mà ta gọi là “xuống núi” hay cái trạng thái mà thiền sư đã gọi “núi vẫn là núi, mà sông vẫn là sông”, đạt đạo nhưng không chối bỏ đời, không làm theo tư dục mà làm theo thiên ý. Đó cũng còn gọi là giai đoạn tích cực hay Đại thừa của người hành đạo thể hiện các chơn lý của nhà Phật: “Phiền não là

gốc của Bồ Đề” “ Sanh tử tức là Niết Bàn” và “ Phật pháp bất ly thế gian pháp” một cách trọn vẹn nhất.

Khương – Thượng Về Trần Cưới Vợ

Đây nói về lúc sau khi lạy thầy và từ giã bạn xuống núi, Khương-Tử-Nha vì không còn cha mẹ, con cháu hay họ hàng nên tìm đến trú ngụ tại nhà của một người bạn xưa ở Triều Ca tên là Tống-Dị-Nhân, một viên ngoại giàu có.

Dị-Nhân rất mực lo lắng cho Tử-Nha mọi mặt. Ngày kia ông tự động đến nhà họ Mã để lo việc mai mối cho Khương-Thượng. Thế nên trong vòng có mấy ngày, lễ cầu hôn và lễ cưới đã được chính viên ngoại chăm sóc và tổ chức chu đáo. Khương-Tử-Nha thấy bạn có lòng bảo bọc thì cũng vui lòng nghe theo tất cả. Thật là việc trai già đi cưới nàng tóc bạc cuối cùng cũng đã được lo xong.



Ngày kia Mã-Thị rũ rĩ:

- Lang quân đối với Tống huynh chỉ là tình bằng hữu, sao không lo tính chuyện làm ăn, cứ ăn nhờ ở đụt với Tống huynh mãi coi sao được?

Tử-Nha nói:

- Hiền thê nói cũng phải. Song tôi từ nhỏ đến lớn lo việc tu hành, không biết nghề nào cả, nay phải tính sao đây?

Tử-Nha suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Lúc nhỏ tôi biết đan gàu gai.

Mã-Thị nói:

- Đó cũng là một nghề sinh sống có thể kiếm ra tiền.

Tử-Nha nghe lời Mã-Thị đan gàu và gánh xuống chợ Triều Ca, ngồi từ sáng tới chiều vẫn không thấy ai hỏi đến. Khương-Thượng quấy gánh trở về, bụng đói

như cào, tay chân rũ rượi, không có một đồng xu trong túi. Đến nhà gặp mặt, hai vợ chồng tiếng qua tiếng lại, la ó vang nhà. Dị-Nhân nghe được vội hỏi có sự và lắc đầu nói:

- Thôi, hiền đệ không cần tính chuyện buôn bán nữa, vợ chồng hiền đệ ở không suốt đời nhà tôi cũng thừa nuôi tất cả. Hãy dẹp bỏ bả bình, vợ chồng hòa thuận mới vui.

Mã-Thị không chịu nói:

- Chúng tôi phải lập nghiệp không thể sống nhờ vả mãi cho đến trọn đời.

Dị-Nhân đành chịu ý Mã-Thị để cho Khương-Thượng xoay qua bán bột, bán quán rượu, bán heo, dê nhưng nghề nào cũng chẳng xong, cũng làm cho Mã-Thị thêm phần khinh thị và tru tréo.

Dị-Nhân thấy Tử-Nha thường có vẻ hồ thẹn nên từng an ủi:

- Hoa nở có mùa, người nên có vận. Lúc chưa gặp vận thì dù có tài giỏi đến đâu cũng chẳng làm gì nên. Hiền đệ hiện giờ tuy nghèo khó, nhưng lúc gặp thời cũng vinh hoa phú quý như ai. Hiền đệ đừng nản lòng, tôi có nhiều phương tiện giúp đỡ hiền đệ được.

Ngày kia Tử-Nha cùng Dị-Nhân dạo vườn hoa quanh nhà ngoạn cảnh, Tử-Nha thấy còn một khoảng đất trống rất tốt liền nói:

- Theo địa lý thì nơi đây có khí tử rất nhiều. Nếu cất năm căn nhà lớn thì gia đình sẽ có ba mươi sáu người làm quan. Tôi có biết về địa lý nên tỏ bày với anh để đền ơn.

Dị-Nhân nói:

- Tôi e có lửa ma vì chỗ này tôi dựng nhà nhiều lần đều bị cháy cả.

Tử-Nha nói:

- Để tôi chọn ngày tốt cho anh xây cất. Anh cứ lo tiệc để đãi đấng thợ thầy, còn phần lửa ma để tôi ếm cho. Nhất định nó không làm gì nổi.

Mấy hôm sau, Di-Nhân cho thợ dựng nhà và công việc tiến hành không mấy chốc.

Tử-Nha ở trong nhà mắt theo dõi sự tình. Nửa đêm hôm đó bỗng nghe gió thổi ào ào, các bụi bay mù mịt, trong cơn gió có hiện ra năm con yêu mặt xanh, mặt trắng, mặt đỏ, mặt vàng, mặt đen.

Tử-Nha vội bỏ tóc xõa cầm gương chỉ mặt hét lớn:

- Năm con yêu không xuống còn đợi chừng nào?

Nói vừa dứt, Tử-Nha bắt ấn, tức thì một tiếng sấm vang lên năm con yêu sa xuống một lúc, quì trước mặt Tử-Nha năn nỉ:

- Chúng tôi không ngờ có tiên ông đến đây, xin lấy lượng khoan hồng tha cho chúng tôi khỏi chết, chúng tôi nguyện từ nay về sau chẳng dám làm càn.

Tử-Nha nói:

- Thôi ta cũng tha chúng bây một lần làm phước. Chúng bây không được ở đây nữa, phải đến núi Kỳ-Sơn tạm trú, chờ lúc chiến chinh ra cho ta sai khiến, ta sẽ phong Thần.

Năm con yêu cúi lạy rồi hóa gió bay mất.

Mã-Thị rình xem Tử-Nha trừ yêu, ếm quỷ, nhưng không thấy yêu quỷ đâu cả bèn cười rồi viết:

- Khéo kiếm chuyện lừa phỉnh, làm những chuyện tầm thường còn chưa nên lại muốn làm thầy thiên hạ!

Lời bàn

Các vị tiên tri thường không được kính trọng ở trong gia đình và quê hương của mình.

Chúa Jesus, sau khi chịu cám dỗ trong sa mạc, được ơn thánh linh đưa đi giảng đạo, bắt đầu bài thuyết giảng đầu tiên của mình ở tại nơi sinh sống đã bị ném đá và đuổi ra khỏi quê hương và đã từng bị chịu biếm nhẽ: Người ấy há không phải là con của người thợ mộc tên Joseph và người đàn bà tầm thường Marie đó hay sao?

Thái tử Sĩ Đạt Ta bỏ ngôi vua và vợ con để hiến mình cho sự giác ngộ ắt không khỏi bị hoàng gia cho là kẻ bất hiếu với cha mẹ và bất nghĩa đối với vợ con. Không riêng gì ở quê hương và gia đình, các vị giáo chủ đó còn phải đương đầu với nhiều cảnh ngộ éo le khác do búa rìu dư luận và sự tàn ác của con người, vì sự hiểu biết thường tình và nông cạn của họ.

Đấng Christ bị kết án là giao thiệp với phường kỹ nữ và bọn râu thuế, bị gán cho là dùng bùa phép của chúa quỷ để trừ quỷ, bị cợt nhả là có thể cứu người khác mà không thể cứu lấy mình và bị đóng đinh trên thập tự giá.

Đức Phật Thích Ca đã từng bị cật vấn, khiêu khích và vu oan của các trường phái ngoại đạo và từng chịu nhiều người âm mưu hãm hại vì lòng đố kỵ của họ.

Khương Tử Nha chịu thiên mệnh về trần thực hiện thiên cơ, cũng đã chịu chung định luật đó, bị Mã-Thị khinh khi là làm những chuyện tầm thường còn chưa được lại còn muốn trừ ma ếm quỷ để ra mặt làm thầy thiên hạ. Đó cũng là thói thường của thế thái nhân tình đối xử với những người có tài mà chưa gặp vận.

Việc thiên cơ đã được Nguyên Thi Thiên Tôn tiết lộ cho Khương Tử Nha khi truyền dạy ông xuống núi, nhưng thời gian chờ đợi không phải chỉ ngắn ngủi như nghe mấy câu kệ:

***Mười năm chịu túng áo còn bầu,
Gượng gạo mua vui chớ chác sầu.
Ngồi đá bàn khê câu đợi vận,
Chờ xe vương giả rước về lầu.***

Thiên cơ tại sao lại bày chi nhiều cảnh trở trêu cho những người chịu mệnh? Nhưng hầu như đó là một định luật và hậu ý của Trời trước khi trao mệnh lớn cho bất cứ người nào. Khương Tử Nha phải chịu cảnh năm chìm bảy nổi để lịch duyệt chuyện đời và am hiểu thế thái nhân tình cũng như để được trui rèn ý chí và khả năng ứng phó với nghịch cảnh. Có như thế ông mới đủ tài năng và đức độ để thế thiên hành đạo khi thời cơ đến. Như vậy Nguyên Thủy há không phải là không có dụng ý khi đuổi ông xuống núi trước mười năm đó hay sao?

Việc trừ ma ếm quỷ đều được ghi lại ở những trang kinh xưa. Mật Tông Phật giáo chỉ dạy nhiều cách trừ tà. Thánh Kinh Thiên Chúa giáo có nêu nhiều trường hợp trừ quỷ ám của Chúa Jesus và các tông đồ.

Ngày nay các giáo sĩ và những kẻ tu hành ít có người làm được việc trừ quỷ vì không chịu khiêm nhường và nhẫn nại để học hỏi luật siêu hình và cách trừ tà và thường móng tâm cao ngạo cho rằng đó là những việc thấp thỏi không cần để ý đến, tới lúc va chạm bệnh tà ma phải chịu nhiều điều nhục nhã và tổn thương tự ái và uy tín của cá nhân và giáo hội mà mình đại diện (phim Exorcist), rồi vội cho rằng Sa-tang quyền phép còn cao hơn Thượng – Đế và các thánh thần và truyền dạy cho tín đồ một giáo thuyết vô tình đề cao uy tín tối thượng của Sa-tăng, vượt trội hơn quyền năng của Thượng – Đế và các thánh thần trong việc bảo vệ tín đồ chống lại loài ma quỷ.

Truyện Phong – Thần mô tả hết sức xác đáng phong độ của thần tiên trong việc nhiếp phục loài ma quỷ và làm nổi bật qui tắc giáo hóa yêu tinh cải tà qui chánh, đóai công chuộc tội, để đóng góp công sức vào việc thi hành thiên ý. Việc đó đúng với chánh lý và định luật siêu hình mà những người học khoa học Mật Giáo đã thực nghiệm.

Tử - Nha coi bói

Đây nói về lúc sau khi Tử - Nha dùng phép đuổi năm con yêu giúp viên ngoại
Dị - Nhân cất một ngôi lầu trên cuộc đất tốt xong, Dị - Nhân mừng rỡ khen ngợi:

- Hiền đệ có tài như vậy thật không uổng công tu luyện hơn bốn mươi năm.

Tử - Nha thật tình đáp:

- Coi bói, coi quẻ, trừ ma ếm quỷ là sở trường của đệ, có gì quan trọng mà
huynh phải khen.

Mã – Thị nghe nói chen vào:

- Sao không lấy đó làm nghề sinh nhai?

Tử - Nha trả lời:

- Nếu tôi có một căn phố tại chợ thì có thể lập ra một phòng xem bói, xem
tướng được.

Mã –Thị không tin:

- Tôi chỉ sợ ông nói bậy, không đúng, người ta nhỏ răng, đập đồ nghề, xé
sách thì xấu.

Dị - Nhân bảo:

- Nếu hiền đệ muốn việc ấy thì tôi cho hiền đệ một căn phố tại chợ Triều Ca,
dùng làm việc gì cũng được.

Tử - Nha mừng rỡ, chọn ngày tốt mở phòng coi bói. Ngày đêm ở luôn nơi chỗ
làm việc. Trước cửa phòng coi có dán đôi liễn đỏ chót đề rằng:

*“Đã thông cao thấp trăm điều thiệt
Chẳng nói tầm thường nửa tiếng sai”*

Và:

*“ Miệng nói như ghi, biết khắp nhân gian lành dữ
Mắt xem tựa kiếng, soi cùng thiên hạ thạnh suy”
Nơi bàn coi còn có đôi liễn đề rằng”
“ Tay áo dựng càn khôn
Cái bầu thấu nhật nguyệt”*

Tuy vậy đã ba tháng trời, không có một người khách nào vào hàng xem quẻ cả.

Mã – Thị căn nhắc:

- Bởi ông xem bói không hay nên người ta không đến.

Tử - Nha cười:

- Chẳng qua thời vận tôi chưa đến, nên khiến không có ai đến xem.

Mã – Thị lườm chồng:

- Mấy người bắt tài đều đổ thừa thời vận. Trên đầu tóc bạc phơ mà không làm chuyện gì nên cả.

Tử - Nha nhìn vợ, không biết phải giải thích làm sao hơn.

Ngày kia, có một ông tiều tên Lưu – Cang đi ngang qua, bước vào võ bàn nói lớn:

- Chào thầy, thầy tên họ là gì?

Tử - Nha nói:

- Tôi họ Khương tên Thương, tên chữ là Tử - Nha, biệt hiệu Phi -Hùng.

Lưu- Cang nói:

- Thầy khoe biết cả những việc đã qua và chưa tới, vậy tôi xin bói một quẻ, hễ trúng thì tôi thưởng thầy hai chục đồng tiền, còn trật thì tôi sẽ tặng thầy vài đấm, bảo dọn đồ về xứ không cho ở đây lừa phỉnh thiên hạ.



Tử - Nha hỏi:

- Ông muốn xem việc gì cứ nói?

Lưu – Cang:

- Tôi là người tiểu phu đi bán củi, vậy ông chỉ cho tôi nên đi ngã nào, bán củi được bao nhiêu tiền?

Tử - Nha gieo quẻ xong, viết bốn câu như vầy:

*Đi qua bên phía nam,
Gặp ông già cội liễu.
Bán được một trăm hai chục đồng,
Bốn bánh lót lòng, vài chén rượu.*

Lưu- Cang cãi lại:

- Thầy bói quẻ này chắc không trúng rồi. Tôi đi bán củi đã mấy mươi năm không ai cho uống rượu bao giờ.

Tử - Nha nói:

- Cứ thử đi bán rồi sẽ biết.

Lưu- Cang nghe theo lời, quả thật bán được gánh củi một trăm đồng và còn có thêm hai chục đồng tiền thưởng, lại được tặng một đĩa bánh và một chai rượu nhỏ.

Lưu – Cang khen:

- Ông thầy bói họ Khương quả thần thánh, để ta rót rượu xem có y như vậy không?

Quả nhiên, về rượu chỉ rót vừa hai chén thì cạn.

Lời bàn

Mỗi người trong cuộc đời ắt đã có lần gặp một vài vị coi bói, tiên đoán cho về số mệnh một cách hết sức chính xác. Có điều khi vừa được xem cho, việc đã qua thì có thể kiểm nghiệm được ngay, nhưng những tiên đoán về tương lai nhiều khi có người phải đợi đến năm hoặc mười năm sau mới thấy nó hiển hiện, lúc đó thầy tướng số đã chẳng biết ở đâu rồi.

Muốn nổi tiếng, các thầy bói phải có thầy tổ mách bảo. Một số thần linh ở cấp nhỏ có nhiệm vụ qua thầy bói số chỉ đường dẫn lối cho nhân gian, nhất là trong lúc con người đang ở trong hoàn cảnh cực kỳ lo âu sợ hãi và cần sự giúp đỡ cũng như còn chút phước đức đáng được nâng đỡ. Khoa bói tướng thường dùng rất nhiều hình thức khác nhau bề ngoài như coi chỉ tay, bói bài, xem tướng, xủ quẻ, đoán mộng, chắm tử vi hoặc những cách lạ lùng khác.... Nhưng tựu chung muốn được thần diệu đều phải có thần linh thần khải cho thầy bói để thầy chỉ vẽ lại cho những người đi xem. Những thầy tướng đem ý riêng của mình ra luận quẻ thường việc coi không được đúng. Cũng có khi thần linh không thể nói sự thật vì làm như vậy sẽ có hại cho đời sống người coi hơn là nói dối họ; đó là những quẻ “quyền thiệt” có tính cách giúp được người coi bói bằng cách nói láo họ. Nên thầy tướng số nào, dù được tổ đãi cũng phải có người khen hay và chê trật. Nhiệm vụ của thầy tướng số dù nhỏ cũng gián tiếp làm cho thân chủ của mình hướng thiện và thấy được vài điều huyền mật của thần linh. Việc coi bói là tiên đoán vận mệnh cho một cá nhân hoặc một gia đình tầm thường, còn thầy bói thì dùng nghề coi bói để mưu sinh độ nhật, nhưng bên cạnh họ cũng giúp đỡ được một số người. Muốn hưởng lợi ích của việc coi bói, người đi coi nên để tâm thần nhiên không vội khen hoặc chê, dùng lý trí để phân biệt đúng sai và dĩ nhiên nếu quẻ linh không cần tin, nó cũng phải xảy đến, nhất là tránh mê tín.

Việc tiên tri thì rộng rãi hơn, nó là sự tiết lộ bí mật về tương lai của một số nhân vật quan trọng như vua chúa, tộc trưởng, giáo chủ, hoặc vận mệnh của một bộ tộc, một đất nước hoặc toàn thể nhân loại. Những nhà tiên tri thường cảm được ơn của thánh thần ở đẳng cấp cao hơn, thường được gọi là thánh linh, chúa thánh thần, thiên sứ... Nhà tiên tri truyền trao lại những thông điệp lớn lao mà chính họ đã nhận được của thánh thần... cho một số đông người. Phần đông các người được ơn tiên

tri là những tộc trưởng, vua, cố vấn cho vua và những nhà truyền giáo lớn lao. Họ có nhiệm vụ hướng dẫn cũng như cảnh cáo một dân tộc nào đó phải theo con đường mà Trời đã định.

Trong Phật Giáo sử có đề cập đến nhà tiên tri A –Tu –Đà (Asita), ông đã tiên đoán về sau hoàng tử Sĩ - Đạt – Ta sẽ trở nên bậc vĩ nhân cao quý của nhân loại, hoàng tử sẽ đắc quả Phật và ông khóc vì biết rằng không bao lâu nữa mình sẽ chết và sẽ tái sinh vào cảnh giới vô sắc, không được thọ giáo với bậc trí tuệ cao siêu, chánh đẳng chánh giác. Ngoài ra còn có nhiều vị đạo sĩ Bà-La-Môn học rộng, tài cao đã đến thăm thái tử Sĩ - Đạt – Ta khi hoàng tử sanh được năm ngày, trong đó có tám vị đặc biệt lỗi lạc, sau khi quan sát đặc tướng của thái tử, đã tuyên bố hoàng tử sẽ trở nên hoặc một vị chuyển luân thánh vương hoặc ngài sẽ đắc quả Phật.

Nhiều dữ kiện về việc tiên tri hơn Phật Giáo, Thánh kinh Thiên Chúa Giáo hình như kết liền với những ơn thần khải, được ghi lại suốt từ đầu cho đến kết thúc quyển thánh kinh đó. Các tổ phụ, các đấng tiên tri hay các sư đồ trong Thiên Chúa Giáo. Được ơn thánh linh để nói tiên tri thật là nhiều, khó có thể ghi chép ra đây hết được, chỉ nên nêu ra một số trường hợp cụ thể:

- Việc Nô-ê được Đức Giê-hô-va truyền dạy đóng tàu để tránh nạn nước lụt hủy diệt mọi loài xác thịt trên mặt đất vì thế gian bấy giờ trở nên bại hoại trước mắt Đức Chúa Trời.

- Việc Áp-ram được ơn Chúa truyền ra khỏi quê hương, đến nơi Chúa chọn và thành lập một dân lớn.

- Việc Y-Sác được Đức Giê-hô-va hiện đến cùng người và phán: Chớ xuống xứ Ê-díp-tô, hãy ở lại xứ mà ta sẽ chỉ cho, ta sẽ ban phước và làm dòng dõi người nhiều như sao trên trời.

- Việc Gia-cốp chiêm bao thấy một cái thang bạc từ dưới đất, đầu đến tận trời, các thiên sứ của Đức Chúa Trời đi lên xuống trên thang đó và Đức Giê-hô-va ngự

trên đầu thang và phán rằng: Ta sẽ cho ngươi và dòng dõi ngươi đất mà ngươi đang nằm ngủ đây và sẽ làm cho dân ngươi đông như cát bụi trên mặt đất.

- Chiêm bao của Giô-sép về việc bó lúa của các anh sắp mình xuống trước bó lúa của Giô-sép và một chiêm bao khác về mặt trời, mặt trăng và mười một ngôi sao đều sắp mình xuống trước mặt Giô-sép. Một lần khác chính Giô-sép bàn mộng cho quan tể tướng và quan thượng thiên của Pha-ra-ôn, Giô-sép nói:” Sự bàn chiêm bao há chẳng do nơi Đức Chúa Trời ư? Xin hãy thuật lại điềm chiêm bao của hai quan cho tôi nghe đi.”

- Việc vua Pha-ra-ôn nằm chiêm bao khi thức dậy, tâm thần ngươi bất định, truyền dòi các pháp sư và các tay bác sĩ xứ Ê-díp-tô đến, thuật lại điềm chiêm bao của mình cho họ nghe, nhưng chẳng có ai bàn được ngoại trừ Giô-sép.

- Việc Đức Chúa Trời hiện ra cùng Mô-i-sê trong bụi gai cháy và phán: Ta là đấng tự hữu hằng hữu, hãy nói cho dân Y-sơ-ra-ên như vậy: Đấng tự hữu đã sai ta đến cùng các ngươi. Lần khác Đức Chúa Trời còn phán cùng Mô-i-sê rằng: Bây giờ ngươi hãy xem những điều ta sẽ hành Pha-ra-ôn; vì nhờ tay quyền năng, vua đó sẽ tha và cho dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ mình.



- Đức Chúa Trời hiện ra và hứa cùng Giô-suê: Mô-i-sê tôi tớ ta đã chết, bây giờ ngươi và cả dân xứ này hãy đứng dậy và qua sông Giô-danh, đặt vào xứ mà ta ban cho dân Y-sơ-ra-ên. Trong đời ngươi sống thì sẽ chẳng ai chống cự trước mặt ngươi, ta sẽ không lia ngươi và bỏ ngươi đâu.

- Ghê-đê-ôn xin báo điềm để xác nhận ý Chúa muốn mình giải cứu dân Y-sơ-ra-ên bằng cách để lót chiên trong sân đập lúa và xin nếu lót chiên ướt sương còn mặt đất khô ráo thì đúng là ý Chúa muốn. Một người khác thuật điềm chiêm bao cho Ghê-đê-ôn nghe về giấc mộng thấy một cái bánh bằng bột lúa lăn vào trại quan Ma-di-an làm ngã cả trại và Ghê-đê-ôn nói với quân

Y-sơ-ra-ên: Hãy trỗi dậy, vì Đức Giê-hô-va đã phó trại quân Ma-di-an vào tay các người! (các quan xét)

- *Thiên sứ của Đức Chúa Trời hiện đến với vợ Ma-nô-a: Kia người son sẽ không có con, người sẽ thọ thai và sanh một đứa con trai về sau nó sẽ giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi tay dân Phi-li-tin.*

- *Đức Chúa Trời hiện đến Sa-mu-ên và bốn lần gọi tên ông và phán: Tà sẽ làm ứng nghiệm Hê-li các lời hăm dọa ta đã phán về nhà người.*

- *Đức Giê-hô-va tỏ ra cho Sa-mu-ên về Sau-lơ: Ngày mai, tại giờ này, ta sẽ sai một người ở xứ Bên-gia-min đến cùng người, người sẽ xức dầu cho người vì người sẽ là vua của dân Y-sơ-ra-ên ta.*

- *Sa-mu-ên được lệnh của Đức Giê-hô-va xức dầu cho David. Từ đó về sau thân của Đức Giê-hô-va cảm động David trong khi đó thân của Đức Giê-hô-va lia khỏi Sau-lơ vì lỗi của ông ta và sau đó Đức Giê-hô-va khiến một ác thần đến khuấy khuấy người.*

- *Việc Sau-lơ thấy trại quân Phi-li-tin quá đông đảo thì sợ và lòng rúng động, người cầu vấn cùng Đức Giê-hô-va, song Đức Giê-hô-va không đáp, hoặc bằng chiêm bao, hoặc bằng u-rim, hay bởi các đấng tiên tri, Sau-lơ truyền cho tôi tớ mình tìm một bà biết cầu vong và ra lệnh cho bà ta mời hồn của tiên tri Sa-mu-ên. Bà tả cho biết bà thấy một vị thần ở dưới đất lên, sau khi tả hình dáng thì Sau-lơ biết đúng là Sa-mu-ên. Sau-lơ sắp mình xuống đất van xin cho biết điều phải làm. Sa-mu-ên cuối cùng đã cho ông biết Đức Giê-hô-va đoạt lấy nước người mà ban cho kẻ lân cận người là David. Sau-lơ khi nghe xong té nằm dài xuống đất, vì các lời của Sa-mu-ên khiến người sợ hoảng.*

- *Đức Giê-hô-va sai Nathan đến trách David: Ta đã xức dầu lập người làm vua Y-sơ-ra-ên, ta đã giải cứu người khỏi tay Sau-lơ. Ta cũng ban cho người nhà của chủ người, và nếu điều đó không đủ, ắt ta sẽ thêm cho ơn khác nữa, có sao người đã dùng gươm giết U-ri và lấy vợ nó là vợ.*

• Đức Chúa Trời hiện đến với Sa-lô-môn và phán: Bởi vì ngươi không xin sự sống lâu, không xin sự giàu có, cũng không xin mạng của những kẻ thù nghịch ngươi, nhưng xin sự thông minh để biết xét đoán. Nay ta đã ban cho ngươi sự khôn ngoan, thông sáng không có ai bằng và lại ta còn ban cho ngươi những điều ngươi không xin, tức là sự giàu có và sự vinh hiển, đến đời trọn đời ngươi, trong vòng các vua, sẽ chẳng có ai giống như ngươi.

• Đức Giê-hô-va truyền một tiên tri đến quở trách Giê-rô-bô-am và làm một dấu lạ: Bàn thờ nứt và tro trên bàn thờ đổ xuống đất, riêng tay của vua Giê-rô-bô-am thì cứng và không thể co lại khi ra lệnh bắt tiên tri.

• Đức Giê-hô-va phán cùng tiên tri E-li: Ngươi sẽ xức dầu cho Ha-xa-ên làm vua Sy-ri, ngươi cũng sẽ xức dầu cho Giê-lu, con trai của Nim-si làm vua Y-sô-ra-ên; và ngươi sẽ xức dầu cho E-li-sê, con trai Sa-phát, làm tri thế cho ngươi.

• Đức Giê-hô-va phán cùng Acha rằng: Nay một gái đồng trinh sẽ chịu thai, sanh ra một trai và đặt tên là Em-ma-nu-ên.

• Lời tiên tri về đấng Mê-si sẽ cai trị vì có một trẻ sanh cho chúng ta, tức là một con trai ban cho chúng ta; quyền cai trị sẽ nẩy trên vai ngài. Ngài sẽ được xưng là đấng lạ lùng, là đấng mưu luận, là Đức Chúa Trời quyền năng, là Cha đời đời, là Chúa bình an...

• Lời tiên tri về các dân ngoại đạo về sự đổ nát của Ba-by-lon. Lời tiên tri nghịch cùng người Phi-li-tin, nghịch cùng Mô-áp. Sự hủy diệt dân Asiri được truyền cho Ê-thi-ô-pi. Lời tiên tri về Ê-díp-tô, lời tiên tri nghịch cùng Duma và Arabi. Lời tiên tri về sự suy sụp của Ty-rô. Lời tiên tri về sự lập lại Y-sô-ra-ên. v.v...

• Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi: “Trước khi tạo nên ngươi trong lòng mẹ, ta đã biết ngươi rồi, trước khi ngươi sanh ra, ta đã biết riêng ngươi, lập ngươi làm kẻ tiên tri cho các nước... Ngươi sẽ đi khắp mọi nơi nào ta sai ngươi đi và sẽ nói mọi điều ta truyền cho nói. Đừng sợ vì có chúng nó...”

• *Lời tiên tri về đấng Christ: “Hỡi Bét-lê-em, đất Giu-da! Thật người chẳng phải kém gì các thành lớn của xứ Giu-da đâu, vì từ người sẽ ra một tướng là đấng chăn dân Y-sô-ra-ên tức dân ta.”*

• *Lời tiên tri về Báp-tít mà đấng tiên tri Ê-sai đã báo trước: Có tiếng kêu trong đồng vắng; Hãy dọn đường cho Chúa, ban bằng các nẻo ngài.*

• *Kết thúc thánh kinh Thiên Chúa Giáo là phần khai huyền tiên đoán về thời kỳ cuối cùng của loài người.*

Như vậy ơn bói toán và ơn tiên tri có một số điểm tương đồng và một số điều dị biệt. Một số tu sĩ sau này không có khả năng để nghiên cứu về huyền bí học đã tỏ ra lung túng và mâu thuẫn khi đề cập đến sự bói toán: có lúc chính họ lại bày ra những điều mê tín quá đáng và cũng chính họ nhiều khi ngăn cản tín đồ một cách độc đoán mà không có lời giải thích chu đáo. Tôi xin liệt kê một thí dụ cụ thể để kết thúc bài này: Một họ đạo tại một tỉnh lỵ ở Việt Nam, Cha phó sở bị lấy trộm một cái radio, mà kẻ trộm không ai có thể phát giác ra. Vài hôm sau một nhóm người trong bản đạo đã đến thỉnh vấn bằng cách xem bói một tu sĩ Chà gốc Châu Giang để tìm vật tích người ăn trộm. Kết quả tìm lại được cái radio do một bản đạo lấy cắp.

Tử-Nha Đốt Qui Hóa Tỳ Bà

Bây giờ, nói về ngoài cửa Nam, tại mả Hùynh-Đế, có con ngọc thạch Tỳ-bà, trước kia là bạn với Đắc-Kỷ, lâu ngày xa cách, nên tìm đến Triều Ca thăm Đắc-Kỷ.

Đắc-Kỷ mừng lắm, tiếp đón rất ân cần ngày đêm ở trong cung vui đùa không ngớt. Tuy vậy, ngọc thạch Tỳ-bà vốn là loài yêu quái, tánh ăn thịt người đã quen, không thể nhịn lâu được, cứ mỗi đêm bắt bọn cung nữ ở trong cung ăn thịt.

Hôm nọ, ngọc thạch Tỳ-bà từ giả Đắc-Kỷ tàng hình trở về động, đi ngang đến trước phố Tử-Nha.

Tỳ-bà-tinh nghĩ thầm.

- Khéo kiếm chuyện lừa gạt dân gian. Bói quẻ có gì mà linh như vậy. Để ta hiện hình người vào coi bói thử xem cho biết. Xong hóa ra một thiếu nữ gọi Tử-Nha nói:

- Xin thầy làm ơn bói giúp tôi một quẻ.



Tử-Nha thóang thấy khí yêu hiện trên nét mặt người đàn bà, mỉm cười thầm nhủ:

- Loài yêu nghiệt, dám đến trước mặt ta mà chọc tức. Nếu gặp yêu mà không trừ đi thì đâu phải là kẻ có bản lĩnh cao cường?

Tử-Nha nói với Tỳ-bà-tinh:

- Cô đưa bàn tay tôi xem thử.

Nói xong Tử-Nha nắm lấy cổ tay, ấn vào bộ mạch, dùng phép âm, không cho yêu quái biến hình. Qua một lúc ông thò tay lấy nghiến mực đập mạnh vào đầu Tỳ-bà-tinh, Tỳ-bà ré lên một tiếng, máu chảy đỏ ối, gãy dựa lung tung.

Khách hàng ngồi chung quanh đều có vẻ bất bình và phẫn nộ. Lúc ấy Tỉ-Cang cỡi ngựa đi qua đấy thấy thiên hạ xôn xao, ông dừng lại xem xét.

Dân chúng thưa:

- Có lão thầy bói Tử-Nha làm chuyện phạm pháp, lợi dụng nghề coi bói nắm tay đàn bà con gái. Cô ả không chịu, lão thầy bói lại làm ngang, lấy nghiên mực đánh nàng đổ máu.

Tỉ-Cang nhìn người đàn bà đang nằm mê man như chết nói:

- Người đàn bà ấy bị người đánh đá chí tử, người còn tiếc gì mà nắm tay?

Tử-Nha thưa:

- Không, nó làm bộ yêu đó. Nếu tôi thả tay nó biến mất còn đâu bằng cơ? Thừa tướng dầu không xét, chém đầu tôi, tôi cũng không dám thả tay ra.

Lời bàn

Người viết bài này đã từng chứng kiến hàng trăm vụ về bệnh quỷ ám do nhiều tu sĩ và đạo sĩ khác nhau chữa trị cũng như chính bản thân đã từng nhúng tay vào việc trừ quỷ ám, có những trường hợp trước sự chứng kiến của năm bảy chục người, và một vài vụ làm chấn động cả một tỉnh, xôn xao dư luận quần chúng địa phương.

Mỗi một vụ quỷ ám có một sắc thái riêng. Ma quỷ khai khẩu, hành xác bệnh nhân, điều khiển xác người bệnh đối đáp cũng như xuất xử với tu sĩ chữa bệnh đều có những nét đặc thù, ly kỳ cũng như linh động riêng và nhất là ý nghĩa của mỗi trường hợp bị quỷ ám tác động vào tâm thức của người bệnh, thân nhân và những người có cơ duyên diện kiến hoàn toàn khác biệt nhau.

Trong nội dung nhỏ bé của bài này không sao có thể ghi lại hết những trường hợp điển hình đó, mà nếu cần phải có một quyển sách riêng cho vấn đề này. Ở đây chỉ tóm lược một số vấn đề có liên hệ tới việc trừ tà được ghi lại điển hình trong thánh kinh Thiên Chúa Giáo và đưa ra một số định luật liên hệ đến việc trừ quỷ ám

do chính sự nghiên cứu trực tiếp và kinh nghiệm thực chứng về vấn đề này, so chiếu với quan niệm cổ điển được ghi trong thánh kinh.

Sau đây là những mẫu chuyện liên quan đến vấn đề ma quỷ được ghi chép lại trong thánh kinh Thiên Chúa Giáo.

Chuyện 1: Đức Chúa Jesus bị ma quỷ cám dỗ. (Ma-thi-ơ 4)

Bấy giờ, Đức Thánh-linh đưa Đức Chúa Jesus đến nơi đồng vắng, đặng chịu ma quỷ cám dỗ. Ngài đã kiêng ăn bốn mươi ngày bốn mươi đêm rồi, sau thì đói. Quỷ cám dỗ đến gần Ngài, mà nói rằng: Nếu ngươi phải là con của Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi... Sau đó ma quỷ bèn đem Ngài vào nơi thành thánh, đặt Ngài lên trên nóc đền thờ, và nói rằng: Nếu ngươi phải là con Đức Chúa Trời thì hãy gieo mình xuống đi; vì có lời chép rằng; Chúa sẽ truyền các thiên sứ gìn giữ ngươi... Ma quỷ lại đem Ngài lên núi rất cao, chỉ cho Ngài các nước thế gian, cùng sự vinh hiển của các nước ấy, mà nói rằng: Ví bằng ngươi sấp mình trước mặt ta mà thờ lạy thì ta sẽ cho ngươi hết thảy mọi sự này. Đức Chúa Jesus bèn phán cùng nó rằng: Hỡi quỷ sa tăng, ngươi hãy lui ra! Vì có lời chép rằng: Ngươi phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời ngươi, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi. Ma quỷ bèn bỏ đi, liền có thiên sứ đến gần mà hầu việc Ngài.

Chuyện 2: Hai người bị quỷ ám ở Ga-da-ra (Ma-thi-ơ 8:28)

Đức Chúa Jesus qua bờ bên kia rồi, tại xứ dân Ga-da-ra, gặp hai người bị quỷ ám ở nơi mộ đi ra, bộ dữ tợn lắm, đến nỗi không ai dám đi ngang qua đường đó. Chúng nó la lên rằng: Lạy con Đức Chúa Trời, chúng tôi với Ngài có can hệ gì chẳng? Có phải Ngài đến đây để làm khổ chúng tôi trước kỳ không? Và, khi ấy, ở đằng xa có một bầy heo đông đương ăn. Các quỷ xin Đức Chúa Jesus rằng: Nếu Chúa muốn đuổi chúng tôi ra, xin cho nhập vào bầy heo đó. Tức thì cả bầy ở trên dốc núi nhảy xuống biển, thấy đều chết chìm ở dưới nước.

Chuyện 3: Người câm bị quỷ ám (Ma-thi-ơ 10:32)

Người ta đem tới Ngài một người câm bị quỷ ám. Quỷ bị đuổi ra rồi, thì người câm nói được. Đoàn dân lấy làm lạ mà nói rằng: Không hề bao giờ thấy sự như vậy

trong dân Y-sô-ra-ên. Những người Pha-ri-si lại nói rằng: Người này cậy phép chúa quỷ mà trừ quỷ.

Chuyện 4: Mười hai sứ đồ được ban phép trừ tà (10:1)

Đức Chúa Jesus gọi mười hai môn đồ đến, ban quyền phép trừ tà ma, và chữa các thứ tật bệnh.

Chuyện 5: Chúa chữa người bị quỷ ám.

Tội phạm đến Đức Thánh-linh: bấy giờ có kẻ đem đến cho Đức Chúa Jesus một người bị quỷ ám, đui và câm. Ngài chữa cho, đến nỗi người ấy thấy và nói được... Người Pha-ri-si nói: Người này chỉ nhờ bên Be-ên-xê-bun là chúa quỷ mà trừ quỷ đó thôi... Chúa Jesus nghe thế nói: Nếu ta cậy thánh linh của Đức Chúa Trời để trừ quỷ, thì nước Đức Chúa Trời đã đến tận các ngươi... Nếu ai nói phạm thượng đến con người, thì sẽ được tha; song nếu ai nói phạm đến Đức Thánh-linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha.

Chuyện 6: Chúa chữa bệnh phong điên (Ma-thi-ơ 17:14)

Có một người đến gần, quỳ trước mặt Ngài mà thưa rằng: Lạy Chúa, xin Chúa thương đến con trai tôi! Vì nó mắc bệnh phong điên, phải chịu đau đớn quá; thường khi té vào lửa, và té xuống nước. Tôi đã đem nó cho môn đồ Chúa, nhưng chữa không được... Chúa Jesus quở trách quỷ, quỷ liền ra khỏi đứa trẻ, và từ giờ đó đứa trẻ được lành. Môn đồ bèn đến gần Đức Chúa Jesus, mà hỏi riêng rằng: Vì có gì chúng tôi không đuổi quỷ ấy được? Ngài đáp rằng: ấy là tại các ngươi ít đức tin.

Chuyện 7: Sự chữa người bị quỷ ám (Mác 1:23).

Lúc ấy trong nhà hội có người bị tà ma ám, kêu lên rằng: Hỡi Jesus người Na-xa-rét, chúng tôi với Ngài có sự gì chẳng? Ngài đến để diệt chúng tôi sao? Tôi biết Ngài là ai: là đấng Thánh của Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Jesus nghiêm trách nó rằng: Hãy nín đi, ra khỏi người này! Tà ma bèn vật mạnh người ấy, cất tiếng kêu lớn, và ra khỏi người. Ai nấy đều lấy làm lạ hỏi nhau. Người này lấy quyền phép sai khiến đến tà ma, mà nó cũng phải vâng lời. Danh tiếng Đức Chúa Jesus tức thì đồn ra khắp cả miền xung quanh xứ Ga-li-lê.

Chuyện 8: Tà ma tiết lộ về Jesus (Mác 3:11).

Khi tà ma thấy Ngài, bèn sấp mình xuống nơi chơn Ngài, mà kêu lên rằng: Thấy là con Đức Chúa Trời! Song Ngài nghiêm cấm chúng nó chớ tỏ cho ai biết mình.

Chuyện 9: Người Gie-ra-sê bị quỷ ám (Mác 5:2).

Có một người bị tà ma ám từ nơi mồ mà đi ra đến trước mặt Ngài (người này đầu bị cùm chơn bị xiềng rồi cũng bẻ xiềng, tháo cùm mà đi ra). Thấy Chúa Jesus ở đằng xa, y chạy lại sấp mình xuống trước mặt Ngài, mà kêu lớn rằng: Hỡi Đức Chúa Jesus, con Đức Chúa Trời rất cao, tôi với Ngài có sự gì chẳng? Tôi nhờn danh Đức Chúa Trời mà khẩn cầu Ngài, xin đừng làm khổ tôi... Chúa Jesus hỏi: Mày tên gì? Thưa rằng: Tôi tên là Quân Đội; vì chúng tôi đồng...

Chuyện 10: Các quỷ nói về Jesus (Lucas 4:40).

Cũng có các quỷ ra khỏi nhiều kẻ mà kêu lên rằng: Ngài là đáng Christ! Con Đức Chúa Trời. Nhưng Ngài quở nặng chúng nó, cấm không cho nói mình biết Ngài là đáng Christ.

Chuyện 11: Gióp.

Ngày kia các con trai Đức Chúa Trời đến ra mắt Đức Giê-hô-va (Thượng-Đế) và Sa-tăng cũng đến trong vòng chúng. Sa-tăng thưa với Đức Giê-hô-va: Gióp kính sợ Đức Chúa Trời là tại vì Ngài thương ông ta và ban cho ông ta của cải, sức khỏe, vợ con xinh đẹp đông đảo... Nhưng nếu Chúa đặng đến các vật người có, thì thử xem ông ta có phỉ báng Chúa trước mặt hay không? Đức Giê-hô-va phán với Sa-tăng rằng: Nay các vật Gióp có nay phó trong tay người, cứ thử thách nó nhưng đừng làm hại mạng sống của hắn ta.

Sa-tăng tra tay vào việc: Bò, lừa, của Gióp bị cướp – Chiên bị nạn lửa đốt chết – Lạt đà bị cướp đoạt – Con trai, con gái bị nhà sập đè chết, tôi tớ bị cướp giết. Trong cơn thử thách đó, Gióp đã tỏ ra xứng đáng khi thốt lên: Tôi trần truồng lọt khỏi lòng mẹ, và tôi cũng sẽ trần truồng mà về. Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi, đáng ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Sa-tăng sau đó lại xin lệnh của Thượng-Đế để làm hại đến thân thể của Gióp: Gióp bị ung độc, phải lấy sành gãi mình và ngồi trong đống tro cho đỡ ngứa. Gióp vẫn không rửa sả Đức Chúa Trời...

Sau khi thử thách, Gióp đã được Thượng-Đế ban cho gấp hai tài sản đã có lúc trước và được ngợi khen.

Qua những mẩu chuyện quỉ ám rút từ Thánh kinh Thiên Chúa Giáo, người luận bài này xin đưa ra một số định luật vô hình liên hệ với phương cách trừ tà do chính bản thân chứng nghiệm, quan sát và hệ thống hóa về luật siêu hình:



1. Vụ Tỳ-bà-tinh ăn thịt cung nữ (ma quỉ theo kiểu Đông phương) và Dracula hút máu người (ma quỉ theo kiểu Tây phương) hoàn toàn là bịa đặt, không có trong thực tế. Tử-Nha đánh ma bẻ đầu chảy máu là một hành động ngu dốt không am hiểu và trái luật siêu hình.

2. Tỳ-bà-tinh hiện hình người để đi xem bói trước mặt quần chúng không đúng với luật siêu hình. Người học khoa thần bí có thể thấy ma, quỉ, yêu tinh bằng con mắt thứ ba mà người thường cùng lúc không thể thấy được. Đúng ra phải là một phụ nữ bị Tỳ-bà-tinh mượn xác và dẫn xác đến để đi coi bói.

3. Sa-tăng đóng vai giám khảo để thử thách chúa Jesus và Gióp cũng như các giáo chủ và tín đồ sau này: câu chuyện số 1 (Ma-thi-ơ 4) Đức Thánh linh đưa Jesus ra đồng vắng để chịu ma quỉ cám dỗ. Sau khi thử thách ba lần, ma quỉ lui ra và thiên sứ đến gần Ngài và tiếp tục hầu việc cho Ngài.

Câu chuyện về Gióp rõ ràng ghi là mật lệnh mà Thượng-Đế cho phép Sa-tăng xuống khảo đảo cũng như đức tin của Gióp đối với Ngài. Đây là ba cuộc thi về nước trời của tín đồ Gióp mà người hạch sát là thánh linh đóng vai ma quỉ.

4. Một người có thể cùng một lúc sau khi bị ma qui nhập xác, có thần tiên chiếu về xác để thị hiện phép lạ. Thật sự hai vai đóng chỉ có một người, đó là thần linh có trách nhiệm. Jesus được thánh linh đưa ra đồng vắng, sau đó ma qui nhập vào Ngài đưa vào thành thánh, đem Ngài lên núi để cám dỗ, tất cả chỉ cần một thiên sứ được Thượng-Đế ủy nhiệm.

5. Ma qui biết vai trò của Jesus ở thế gian này một cách rất rõ ràng trong khi đó các thầy tế lễ và quần chúng hoàn toàn ngu dốt về Ngài.

Trong câu chuyện người bị quỷ ám ở Ga-ra-da (Ma-thi-ơ 8:28) cũng như những trường hợp quỷ ám ở câu chuyện (Mác 1:23 5:2) và Lucas (4:40) ma qui đã tỏ rõ cho thế gian biết sứ mạng của Jesus: Ngài là đấng thánh của Đức Chúa Trời, đấng Christ v.v.

Ma qui chính là thánh linh đóng vai Sa-tăng làm nổi bật uy tín của người chịu thiên mệnh và giới thiệu Ngài với quần chúng. Trường hợp này trùng hợp với danh ngôn của nhà Phật: “Thiên ma ngoại đạo là Bồ Tát thị hiện”.

6. Trong thực tế những người bị ma qui nhập có thể khiến xác người bệnh trèo lên cây, té xuống sông, đi rong hằng chục cây số, chạy vượt qua những cánh đồng, vung tay múa chân, tự tay đập vào ngực, phá hoại đồ đạc bàn thờ trong nhà, rửa sả những thầy pháp bất chánh, hành người bệnh nhứt đầu như búa bổ, làm á khẩu, hành đau bụng hoặc bại xuôi tay chân hay giựt kinh phong... Thường thân nhân người bệnh phải cùm xích họ lại trong những lúc họ tự hành hung, cho họ uống thuốc an thần hoặc đưa vào nhà thương điên. Câu chuyện số 7 (Mác 5:4) diễn tả đúng trường hợp người bị tà nhập, tháo cùm xích đi ra. Câu chuyện số 6 (Ma-thi-ơ 17:14) người bệnh bị quỷ hành phong điên, vật xác té xuống nước, xuống lửa. Câu chuyện số 3 (Ma-thi-ơ 10:32), người bị bệnh ma qui làm á khẩu, câu chuyện số 5 ma qui ám người bị bệnh đui.

7. Ma qui trước khi xuất thường vật mạnh xác người bệnh té ngã dưới đất, đưa tay vuốt mặt, vỗ tay, gây tiếng động lớn trước khi trả xác lại bình thường. Câu chuyện số 7: ta mà vật mạnh người chết, cất tiếng kêu lớn và ra khỏi người.

8. Một người bệnh có thể bị nhiều con tà nhập vào cùng một lúc. Câu chuyện số 9 (Mác 5:2:8), ma quỷ nói: Tên tôi là Quân-đội vì chúng tôi rất đông.

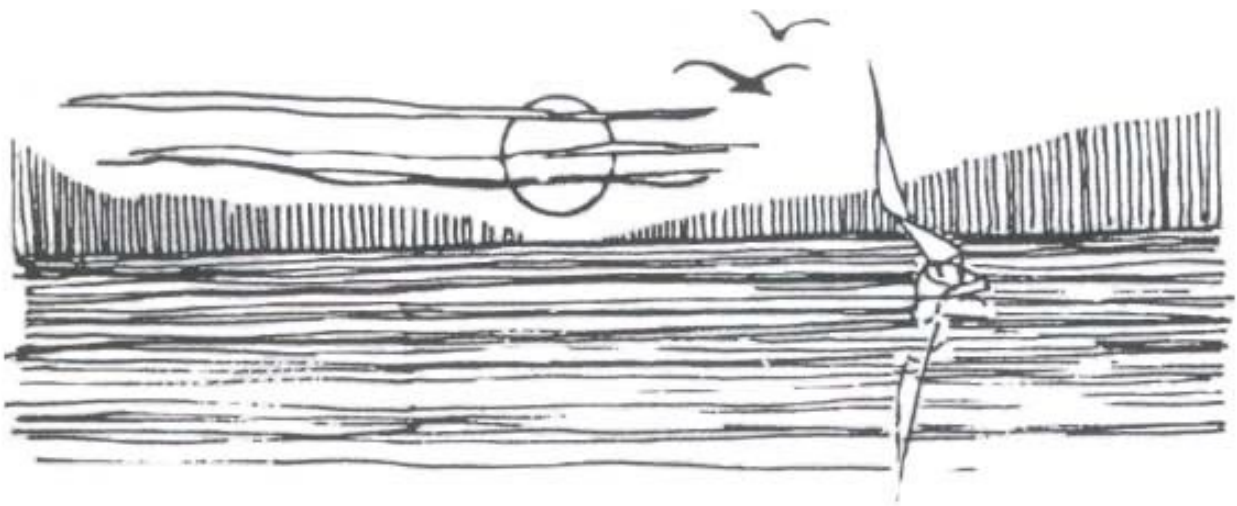
9. Nếu ma quỷ có thể nhập vào người thì cũng có thể nhập vào loài thú như: Bò, rắn, rùa, hổ, bướm, v.v... Thực tế đã có nhiều trường hợp như thế. Câu chuyện số 9 (Mác 5:13) ma quỷ nhập vào bầy heo và nhảy xuống biển.

10. Thần linh có thể tá vào người để khuyến thiện và làm phép lạ được gọi là thánh linh. Thần linh cũng có thể nhập vào người nhiều ác nghiệp để sửa trị họ hoặc khiến người bệnh chửi rủa các tu sĩ cao ngạo và ngu ngốc hoặc đề cao uy tín của những bậc chân tu được gọi là tà ma.

11. Những người nhiều nghiệp hoặc tu thiếu âm đức, ngã mạn, bàng môn tả đạo thường bị tà ma quấy phá và nếu cần thần linh có thể hủy diệt xác họ, nếu không biết phục thiện. Cổ nhân rất chí lý khi nói "Đức trọng quỷ thần kiên". Chính quỷ thần là thiên binh của Thượng-Đế thường trừng phạt người phạm luật trời và ngưỡng mộ người có đức.

12. Trong câu chuyện số 6, các môn đồ đã từng được ban quyền năng trừ quỷ mà không thể chữa được một trường hợp đặc biệt đã đến hỏi Chúa Jesus; Ngài đáp: tại các người ít đức tin. Thực tế, ngoài đức tin còn có nhiều yếu tố khác: Thánh linh muốn các tông đồ phải từng phục Jesus triệt để, người được Thượng-Đế ủy nhiệm giáo đạo thời đó - Các tông đồ chưa đủ đạo hạnh - Muốn các tông đồ khiêm cung và đề phòng sự ngạo mạn của họ khi sử dụng các quyền năng trong việc phục vụ đạo và làm sáng danh Thượng-Đế bằng phép lạ.

Tóm lại, người am hiểu luật siêu hình và hành đúng đạo thì tất cả loài ma quỷ (khỏi ác) và kể cả thần tiên (khỏi thiện) đều thị hiện đến quy ngưỡng, vì thực tế Ác hay Thiện đều do thần linh của Thượng-Đế cai quản. Nếu ngu dốt bị thánh thần dạy dỗ mà không thông lại cuồng ngạo xúc phạm thánh thần ắt phải chịu cảnh mà thánh kinh đã từng dạy: "nếu ai nói phạm thượng đến con người (Jesus) thì sẽ được tha; song nếu ai nói phạm thượng đến Đức Thánh-linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha".



CĂN NGUYÊN CỦA VŨ TRỤ VÀ ĐỜI SỐNG THEO CÁC TÔN GIÁO

Khi bắt đầu nghiên cứu về tôn giáo người ta thường phải băn khoăn suy nghĩ không ít khi thấy các tôn giáo đưa ra nhiều lý thuyết mâu thuẫn nhau rất trầm trọng về vấn đề nguồn gốc của đời sống và vũ trụ. Lý thuyết này phê bình lý thuyết nọ làm ra vẻ như chỉ có lý thuyết đó là đại diện chân chính cho chân lý. Thật sự tôn giáo nào đã nhìn thấy được sự thật về những sự mật ẩn của vũ trụ và đời sống? Hay họ cũng chỉ là kẻ mù rờ voi rồi phóng đại nó lên là con voi như thế này, như thế kia! Đối với những tín đồ cả tin thì việc đó rất giản dị, họ không cần tìm hiểu, chỉ nhắm mắt tuân theo giáo thuyết ấy là đủ. Nhưng đối với những người bàng quan một chút thì khi học đạo, họ vẫn phải tìm hiểu về những lý thuyết mà các tôn giáo đề ra có hợp lý hay không. Những kẻ dè dặt đó thừa hiểu có những vấn đề không thể tìm hiểu bằng luận lý trí thức suông, vì nó thuộc về siêu hình mà người ta chỉ có thể hiểu được nó bằng trực giác hay khả năng lý hội những sự kiện huyền bí. Nhưng dù bằng tri thức hay siêu giác quan, những chân lý hữu hình hay siêu hình đó khi được diễn đạt lại bằng văn tự, ngôn ngữ dĩ nhiên nó cũng phải mạch lạc và hợp lý và nhất là mọi người đều có thể lãnh hội được. Giờ chúng ta thử đi vào vấn đề nguyên nhân đầu tiên của đời sống và vũ trụ qua các giải thích của những tôn giáo khác nhau và thử phê bình chúng.

Có ba lý thuyết chánh do các tôn giáo đề ra khi tìm hiểu về nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ và con người: hoặc chấp nhận có một nguyên nhân đầu tiên, đó là thần linh toàn năng hay đấng tạo hóa hữu ngã (Thiên Chúa Giáo, Ấn Độ Giáo); hoặc chấp nhận nguyên nhân đầu tiên là một nguyên lý, một năng lực vũ trụ (Đạo Lão, Đạo Khổng); hoặc phủ nhận không có nguyên nhân đầu tiên (Phật Giáo Nguyên Thủy).

I. Thần Linh Toàn Năng hay Đấng Thượng Đế Hữu Ngã.

Đấng Thượng Đế có nhân cách còn được gọi bằng nhiều danh từ khác nhau tùy theo tôn giáo. Đó là Đấng Tối Cao, Đấng Tạo Hóa, Đức Chúa Cha, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Brahma, Jehovah v.v... Tựu chung Đấng Thượng Đế là chúa tể cả vũ

trụ và muôn loài. Ngài là Đấng toàn chân, toàn thiện và toàn mỹ. Ngài ngự trị ở trên trời và cai quản tất cả.

Thánh kinh Thiên Chúa giáo ghi rằng: ban đầu Chúa Trời dựng nên trời đất. Đất thì có cây cỏ, hột giống, cây trái. Ở dưới đất nơi nước tụ lại là biển thì có cá. Ở khoảng không trên trời thì có các ngôi sao, thấp hơn thì có loài chim. Trên mặt đất thì có các súc vật, côn trùng và thú rừng. ...

Sau đó đấng Chúa Trời tạo nên loài người. Đấng Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài. Ngài dựng nên người nam và lấy xương sườn người nam mà tạo nên người nữ và mọi loại đực cái phối hợp với nhau mà sanh sản ra nhiều.



Giáo lý cổ truyền của Bà La Môn Giáo nói rằng: Đấng Brahma, Đấng Mahā Brahma, Đấng tối thượng, toàn tri, là người cầm quyền định đoạt, là giáo chủ, là người sáng tạo, là tạo hóa, là bậc toàn thắng, là chúa tể, là chủ của chính mình, là cha của chúng sanh đã, đang và sẽ được ra đời. Chính Brahma đã tạo ra tất cả chúng sanh ấy. Tại sao vậy? Một khoảng khắc trước đây Brahma nghĩ: “Phải chi có những chúng sanh khác được ra đời! Đó là lời chú nguyện

trong tâm Brahma và tức khắc có những chúng sanh chào đời.”

Hồi Giáo quan niệm Chúa là ngôi độc nhất vĩnh cửu, không dính dáng đến loài người và không có cái gì sánh kịp và bắt diệt. Đó là Allah. Hồi Giáo cũng nhận Adam là thủy tổ của loài người và do đấng Allah nặn thành bằng đất sét rồi thổi sinh khí vào. Kế đó, Đấng Allah lấy mảnh xương sườn của Adam để tạo ra Eva. Lúc đầu hai người ở thượng giới, nhưng sau mắc tội phải đày xuống trần gian. Ông Adam xuống đỉnh núi Adam ở Tích Lan, bà Eva xuống miền Mecca. Hai trăm năm sau họ gặp nhau ở Arafat, ông Adam cảm động phát khóc, nước mắt ông nhuộm đen viên đá hiện còn thờ ở đền Kaba. Hồi Giáo cho rằng trời đất đã được Allah cấu tạo trong

sáu ngày (2 ngày đầu sinh các trái đất; 2 ngày giữa sinh muôn loài sống trên trái đất; 2 ngày cuối sinh ra các tầng trời). Hồi Giáo còn cho rằng có bảy tầng trời và có sáu cảnh địa ngục.

Tóm lại Thiên Chúa Giáo, Bà La Môn Giáo, Hồi Giáo cũng cho rằng Thượng Đế là một Đấng hữu ngã tối thượng, là khởi nguyên của sự tạo lập nên vũ trụ. Mọi việc đều do nơi ý muốn của Ngài.

II. Không có nguyên nhân đầu tiên; Không có Đấng Thần Linh Tạo Hóa.

Theo Tiểu Thừa trong toàn bộ Tam Tạng Kinh đầu tiên của Phật Giáo tuyệt đối không thấy có đoạn văn nào đề cập đến Đấng tạo Hóa. Phật Giáo không chấp nhận có một Đấng Tạo Hóa, bất luận dưới một hình thức năng lực hay chúng sanh. Còn về khởi điểm của đời sống, kinh Phật chủ trương đó là một vấn đề không thể biết được.

Cái lý do đầu tiên để Tiểu Thừa Phật Giáo đưa ra để tránh né câu trả lời cho những vấn đề gai góc về siêu hình là như một người bị trúng tên, hấn sẽ chết trước khi đặt nhiều câu hỏi như: Ai bắn ta? Mũi tên từ đâu tới, Nó bằng kim loại gì? Người bắn có ác ý gì với ta? Nó được tẩm loại độc nào? V.v... Cũng thế một người bắn khoăn tìm hiểu về nguyên nhân của vũ trụ, đời sống, thế gian này giới hạn hay vô tận v.v... Người đó sẽ chết trước khi được nghe Đức Thế Tôn giải thích. Câu chuyện sau đây do tỳ khưu Malunkyaputta hỏi Đức Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, những lý thuyết này chưa được Ngài giải thích rõ ràng minh bạch. Ngài đã gác vấn đề ấy qua một bên, không dạy đến. Thế gian có vĩnh cửu không? Thế gian có giới hạn hay vô tận? Nếu Đức Thế Tôn giải rõ những điều ấy con sẽ tiếp tục đi theo Ngài để sống đời tu sĩ thanh cao. Nếu không con sẽ từ bỏ Ngài... Nếu Ngài biết thì nói biết; nếu không thì nói không... và chắc chắn đối với người không biết hoặc chưa giác ngộ thì điều đáng làm hơn hết là phải nói rằng: tôi không biết, tôi chưa giác ngộ.” Đức Phật trả lời: “Như Lai không đề cập đến vấn đề ấy vì những vấn đề đó không tạo ích lợi cho sự giác ngộ hay niết bàn và người ấy sẽ chết trước khi được nghe giải thích.”



Cái lý do thứ hai để tránh trả lời về khởi thủy của đời sống và vũ trụ, Tiểu Thừa Phật Giáo cho là không thể khám phá được cái khởi điểm đó. Kinh Tạp A Hàm ghi: “Hỡi các đệ tử, bước đầu của cuộc hành trình xa xôi này thật không thể quan niệm được. Chúng sanh bị bao trùm kín mít trong lớp vô minh, bị dây ái dục trói buộc chặt chẽ, không thể khám phá được khởi điểm của cuộc luân chuyển triền miên, cuộc hành trình vô định.” Và để biện minh có người còn dẫn đến lập luận: “Không có lý do nào để giả định rằng thế gian có một khởi điểm. Ý niệm chủ trương sự vật phải có một khởi điểm phát sanh do trí tưởng tượng nghèo nàn (Bertrand Russell).

Nếu Tiểu Thừa Phật Giáo không có ý muốn giải quyết tất cả những vấn đề triết lý của nhân loại với hai lý do là vì những vấn đề ấy không ích lợi cho sự thoát khổ và vì nó vượt qua sự hiểu biết của con người đang lặn hụp trong dòng vô minh và ngừng tại đây thì việc đó cũng có phần hợp lý. Nhưng không thể một mặt không chịu đào sâu vào vấn đề siêu hình, mặt khác họ lại nhúng tay vào những câu hỏi siêu hình đó bằng cách phê phán những lý lẽ thuộc về lãnh vực đó của Ấn Độ Giáo. Một lãnh vực mà mình tránh né trả lời và viện dẫn không thể biết được, bây giờ chính mình lại lún sâu vào nó.

Tiểu Thừa Phật Giáo để bác bỏ vấn đề thần linh tạo hóa đã bịa ra câu chuyện sau đây với tính cách hạ đẳng Thượng Đế Brahma xuống thấp hơn Đức Phật và viết ra về mình rất rành rọt về vấn đề siêu hình mà trước đây mình không chịu trả lời. Câu chuyện sau đây trong cái gọi là kinh Patika Sutta chép: Đấng Brahma tạo hóa trong một khoảnh khắc suy nghĩ: “Phải chi có những chúng sanh khác ra đời! Đó là lời chú nguyện trong tâm ông và tức khắc có những chúng sanh chào đời... Chính sau này những chúng sanh ấy có người xuất gia làm tu sĩ, trau dồi trí tuệ, thành đạt tâm phỉ lạc an trụ mà hồi nhớ lại tiền kiếp và chỉ nhớ đến mức đó thôi nên người đó nghĩ: Vị Brahma, Đấng Tối Thượng, toàn tri, người cầm quyền định đoạt, giáo chủ, người sáng tạo, tạo hóa, toàn thắng, chúa tể, chủ của chính Ngài, Cha của chúng sanh đã, đang và sẽ ra đời. Người đã tạo nên ta. Vị này quả thật là trường tồn, vĩnh cửu, vững bền, không biến đổi. Ngài sẽ tồn tại như thế mãi mãi. Nhưng chúng ta, đã

được vị ấy tạo nên, chúng ta do đấy mà ra, vậy chúng ta là vô thường, biến đổi, không vững bền, ít tuổi thọ, phải chết.”

Rõ ràng hơn, các môn đệ của Phật đã tranh hơn với Bà La Môn Giáo khi xây dựng câu chuyện sau đây và mệnh danh nó là kinh Kevaddha Sutta: “Một tỳ khuru bên Phật đến hỏi Phạm Thiên Vương Brahma cho biết đến đâu thì bốn nguyên tố: đất, nước, gió, lửa chấm dứt; không để lại dấu vết? Brahma trả lời: Trước mặt học trò ta, ta không thể nói là mình không biết. Nhưng sao ông lại bỏ Đức Thế Tôn để hỏi ta, thật là lỗi lầm và trái đạo. Hãy trở về nghe Đức Phật giải thích. Ngài giảng thế nào thì hãy tin theo lời.”

Mặt khác các đệ tử của Phật còn xây dựng rất nhiều câu chuyện khác để bài bác về Đấng Thượng Đế tối cao của Bà La Môn Giáo mà chính họ cũng chẳng biết ắt giáp gì như trước đây họ đã tự nhận. Trong Túc Sanh Truyện và Đại Bồ Đề Túc Sanh truyện viện dẫn vì đời sống hỗn loạn, bất toàn, đầy dẫy những sự xấu xa giả dối, lừa đảo, gian tham nên Thượng Đế đáng sáng tạo ra vũ trụ và đời sống là một hạng người bất công đã tạo nên một thế gian hư hỏng và đáng thán linh ấy nếu có quả thật đầy tội lỗi. Con người chỉ thừa hành ý muốn của Ngài.

Nhưng không hẳn Phật Giáo không tìm nguyên nhân của vũ trụ và đời sống như các tu sĩ Tiểu Thừa Phật Giáo đã từng minh định, trái lại sau này Đại Thừa Phật Giáo đã đưa ra nhiều chủ thuyết cho các vấn đề cao viển ấy. Về vũ trụ và đời sống Đại Thừa cho rằng pháp giới vô tận mệnh mông này chỉ là một sự huyền hiện tượng tựa như một giấc chiêm bao dài của cái tâm của mỗi chúng sanh, của mỗi loài chúng sanh. Thật vậy kinh Thủ Lăng Nghiêm chép rằng: “Các cảnh giới, các cõi vô số vô lượng nổi lên trong hư không và hư không nổi lên trong tâm, tương tựa như một áng mây nổi lên trên nền trời xanh”. Kinh Đại Bát Nhã chép: “Các cõi, các cảnh giới, các thân căn chúng sanh... đều như huyễn như hóa ... như mộng như ảo ... như một giấc chiêm bao... như làn khói tỏa ... như trăng đáy nước ... bày ra bởi một tên đại phù thủy ngồi xổm ở ngã tư đường...”. Ngoài ra trong các kinh Đại Thừa như Lăng Già, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Địa Tạng, Bát Nhã, Viên Giác v.v... đều có đầy đủ các đáp số cho mọi vấn đề siêu hình về các cõi Phật, các cõi Trời, các tầng Địa Ngục, các cõi Chúng Sanh v.v...

Kinh Hoa Nghiêm viết: “Tất cả các cảnh giới, các cõi Phật sát vô lượng của Hoa Tạng thế giới (tức vũ trụ) không ngần mé này, đều chỉ được kết tập nên và an lập do thần lực hải của chư Phật, do nguyện lực của chư đại Bồ Tát, và do nghiệp lực hải của các loài chúng sanh...”. Rõ ràng theo kinh Hoa Nghiêm như vậy vũ trụ được tạo lập do các lực siêu hình của chư Phật và Bồ Tát đối với các cảnh thanh cao và do các lực thấp thỏi cho các cảnh trọng trước. Nhưng thần lực của chư Phật lại hộ trì luôn cho các cảnh giới thấp thỏi của chúng sanh và ảnh hưởng rất lớn đến đời sống chúng sanh: “Nếu không có thần lực của chư Phật hộ trì, thì vũ trụ này không thể tồn tại nổi một sát na và cõi thế gian không thể có nổi một niềm vui nhỏ bé...” (kinh Hoa Nghiêm).

Tóm lại những người tự nhận là theo Phật Giáo nếu không nghiên cứu sâu vào các kinh điển của Tiểu Thừa và Đại Thừa Phật Giáo, họ dễ lâm vào mê hồn trận. Đủ thứ mâu thuẫn giữa giáo thuyết Tiểu Thừa và Đại Thừa và giữa các phái Tiểu Thừa với nhau và giữa các tông trong Đại Thừa với nhau. Bất chợt xem được một cuốn kinh Phật Giáo, được thấy một vài lý thuyết về các vấn đề vũ trụ, đời sống, phương cách tu hành v.v... Họ vội tưởng rằng toàn thể Phật Giáo đều chủ trương như vậy thì thật là lầm to!

Trong phạm vi bài này chỉ tìm hiểu về nguồn gốc của vũ trụ và đời sống được quan niệm theo các tông phái Phật Giáo, chúng ta chỉ xét qua các bất đồng chủ thuyết của họ về vấn đề này và tóm lược như sau:

- Tiểu Thừa cho đó là một vấn đề bất khả tri luận và tuyệt đối không công nhận có một nhân vật thần linh nào hay một cái lực vô hình nào khởi xướng ra những vấn đề đó.

- Đại Thừa cho rằng vũ trụ và đời sống do chân tâm biến hiện ra.

- Một số tông phái Đại Thừa tin rằng vũ trụ và đời sống do thần lực của chư Phật tạo tác (nhất nguyên phi thần hóa).

- Một số khác cho rằng Pháp thân của chư Phật là chỉ cho ý nghĩa nhất nguyên vừa thần hóa (nhân vật Thượng Đế) vừa phi thần hóa (năng lực siêu hình) vì thân là thần hóa (đức Tỳ Lô Giá Na Phật) còn pháp là phi thần hóa (nguyên lý tối thượng)

- Một số tông phái Phật Giáo khác ở tây Tạng và Nepal theo chủ trương nhất nguyên thần hóa cho rằng: Adi Buddha (Thiền Phật) là một Đức Phật toàn năng và toàn tri nguyên thủy, người bằng thiền định đã tạo ra vũ trụ và vạn vật (tương tự như Đức Thượng Đế của Thiên Chúa Giáo hoặc Thượng Đế Brahma của Ấn Độ Giáo đã tạo ra vũ trụ và muôn loài).

Dù đưa ra nhiều quan niệm khác nhau về vấn đề Thượng Đế và vũ trụ, nhưng người theo Phật Giáo bất luận tông phái nào cũng thường dựa vào lý luận không công nhận có một Thượng Đế như một nhân vật hay một năng lực chi phối vũ trụ và đời sống để phân biệt Đạo Phật với Thiên Chúa Giáo hoặc Ấn Độ Giáo; mặc dù nội dung đã tiến đến sự tương đồng phần nào trong các giáo lý, nhưng thành kiến chống đối nhau vẫn còn xảy ra; mặc dù không ai có thể tự xưng là mình đã hoàn toàn thấu triệt về Thượng Đế hay chân lý tối thượng được.

Nếu Thiên Chúa Giáo, Ấn Độ Giáo và Hồi giáo theo quan điểm nhất nguyên thần hóa khi giải thích về nguồn gốc của đời sống và vũ trụ; nguyên thủy Tiểu Thừa Phật Giáo coi vấn đề đó như một sự việc không cần thiết, thì Khổng Giáo và Lão giáo thiên về quan điểm nhất nguyên phi thần hóa.

Trước khi đi sâu vào giáo thuyết của Khổng Tử và Lão Tử thiết nghĩ cần tìm hiểu quan niệm cổ thời của người Trung Hoa về các vấn đề này, vì hai mối đạo trên cùng căn cứ vào nguồn gốc đó để xây dựng chủ thuyết riêng của mình.

Lúc đầu cái tín ngưỡng của người Hoa tương tự như các dân tộc cổ sơ khác đều tin rằng thần linh có thể chi phối đến cuộc nhân sinh và mọi sinh hoạt của loài người. Lòng kính sợ thần linh đã lan rộng đến những vật gì to tát, động chuyển được, có ảnh hưởng lớn lao đến đời sống, họ đều cho là có thần cả. Vô số thần linh được mệnh danh như: Thần mặt trời, Thần mặt trăng, Thần sao, Thần núi, Thần

sông, Thần chớp, Thần gió, Thần mưa v.v... và dĩ nhiên những sự cúng tế, cầu nguyện cũng đã xuất hiện từ đó. Cứ lý tự nhiên mà suy: ở nhà thì có cha làm chủ, chư hầu thì lại có vua, thiên hạ có Đế thì vũ trụ và thần linh cũng phải có một đấng làm chủ, đó là Thượng Đế; tức là ông vua của cõi trời, cai quản bách thần và vạn vật ở trong vũ trụ. Về sau có người lại nghĩ ngợi sâu xa chẳng lẽ Thượng Đế lại nhỏ hẹp như người ta nên đổi quan niệm cho Thượng Đế chỉ là một cái lý chí linh, chí diệu làm chủ tể cả muôn vật mà thôi.

Khổng Tử khảo cứu những tư tưởng của các thánh hiền đời trước cũng như suy xét lại cái lẽ biến hóa của Trời, Đất rồi lập ra học thuyết. Ông lấy cái lý “thiên, địa, vạn vật đồng nhất thể” làm căn bản cho học thuyết của mình. Chính cái lý nhất thể ấy lưu hành khắp và là nguyên nhân của cuộc sinh hóa trong vũ trụ. Cái lý ấy còn được gọi là trời, Thượng Đế hay Thái Cực. Thái cực huyền bí vô cùng, không thể biết được bản thể của lý ấy. Song cái động thể của lý ấy thì người ta có thể hiểu được bằng cách xem xét sự biến hóa của vạn vật. Nói một cách khác cho dễ hiểu hơn là ta không thể quan niệm nổi Thượng Đế là gì, nhưng ta có thể hiểu được cái động thể của Thượng Đế trong sự sáng tạo ra vũ trụ và muôn vật và chính tôn chỉ căn bản của Dịch học và Nho Giáo là xét cái động thể đó.



Thoạt đầu vũ trụ mờ mịt, hỗn độn. Trong sự hỗn mang đó có cái lý vô hình, rất linh diệu, rất cường kiện – tức thái cực đã sinh ra hai cái thể tương đối khác nhau, tức lưỡng nghi, hay là âm dương. Trước hai cái tương đối ấy thì dầu có cũng như không vì không sao mà biết được. Khi hai cái tương đối ấy đã hiện ra thì cái gì cũng có, không thể nói là không được. Hai cái âm, dương ấy độn đẩy nhau, điều hòa với nhau mà biến hóa ra thiên hình vạn trạng. Song vạn vật dầu nhiều thế nào, cái căn nguyên cũng chỉ có âm và dương: “Hiểu được lẽ âm và dương ấy, tất là hiểu được cả vạn vật; biết được lẽ giản dị ấy, tất là biết được cái lý của thiên hạ “ (Dịch – Hệ Từ Thượng). Nên biết âm, dương không

phải là vật có hình, chẳng qua nó là hai cái biểu tượng đầu tiên của sự sinh hóa mà thôi.

Còn về con người, cứ theo Nho Giáo thì người ta có một vị thế rất lớn trong vạn vật, có cái tinh thần và khí chất sáng suốt có thể hiểu thông các sự vật: “Người là cái đức của trời đất, sự giao hợp của âm dương, sự hội tụ của quỷ thần, cái khí tinh tú của ngũ hành (lễ ký, lễ vận IX).

Tóm lại Nho Giáo không bàn đến bản thể của Trời mà chỉ tìm hiểu Trời qua sự sinh hóa của vạn vật. Cái động thể của trời đầu tiên là thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái và bát quái sinh muôn loài. Vật nào bẩm thụ được nhiều thanh khí thì thành thánh, thành thần; vật nào bẩm thụ được ít thì là người thường hay các vật khác.

Còn theo Lão Giáo, Đạo là cái nguyên lý tuyệt đối của vũ trụ đã có từ trước khi khai thiên lập địa. Nó hoàn toàn huyền diệu và bất khả tư nghi mà con người không thể thấy được, hình dung được, hiểu được nên gần như không có. Vì thế “Kẻ hỏi Đạo cũng như kẻ đáp lại, đều là những người không hiểu Đạo cả” (Trí Bắc Du); hoặc “Kẻ sĩ bậc thấp nghe nói đến Đạo thì cả cười bỏ qua” (Đạo Đức Kinh). Tương tự như Nho Giáo khi nói về thái cực, Lão Giáo cũng dùng danh từ Đạo để chỉ cho nguồn gốc của vũ trụ và vạn vật. Lão Tử viết: “Đạo sanh một, một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật. Trong vạn vật không vật nào là không công âm bằng dương. Nhân chỗ xung nhau mà hòa với nhau”. Cái một ở đây có thể so sánh như thái cực ở thể động của Nho Giáo, từ đó sinh sinh hóa hóa ra vạn vật. Bởi thế bản thể của Đạo thì thấy dường như không có và không làm gì cả, mà kỳ thực không có gì là không do cái làm của nó mà ra. Cũng chính vì Đạo là chủ thể của trời đất và vạn vật nên mọi loài dù sinh hóa ra trùng trùng, điệp điệp nhưng rồi cũng đều trở về với Đạo; đi ra rồi trở về. Tuy phác họa ra thì Đạo đơn giản như thế nhưng kỳ thực “Đón nó thì không thấy đầu, theo nó thì không thấy đuôi” (Đạo Đức Kinh).

Lão tử không trực tiếp đề cập con người trong vũ trụ đối với các loài khác, nhưng gián tiếp ông viết: “Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước Tự Nhiên”. Như vậy dù loài người có tôn quý hay không? Họ

phải nhìn theo sự biến hóa, sinh hoạt của Đất, của trời, của Đạo mà sống đúng theo luật nhiệm màu tự nhiên đó.

Dù Nho Giáo và Lão Giáo chỉ đề cập đến cái nguyên lý siêu hình, nguồn gốc sinh ra vũ trụ và vạn vật. Nhưng cái nguyên lý ấy nó vẫn không có gì hấp dẫn lắm đối với đức tin của đại đa số người dân trung Hoa. Người Hoa không thể nào hiểu được cái thái cực hay cái đạo qua trừu tượng đó của Khổng và Lão, vả lại dù có ráng tìm hiểu chu đáo đi nữa họ cũng không thể chấp nhận một cái “lý” mà chủ trương ra vũ trụ, vạn vật và nhất là con người. Cái hợp lý nhất mà họ nghĩ đó là Thượng Đế theo hình dáng của họ mặc dù có toàn chân, toàn thiện, toàn năng, toàn mỹ, toàn tri v.v... gì đi nữa! Ít ra đối với họ, một Thượng Đế như thế là dễ hiểu và hợp lý hơn hết. Từ đó trong đời sống thực tế, người Hoa có hằng vạn câu chuyện xây dựng quanh đức Ngọc Hoàng Thượng Đế với bạch Ngọc Cung cùng các chư tiên, chư thánh và chư thần hầu cận, cai quản cả vũ trụ và muôn loài. Họ chả có lý gì đến cái nguyên lý huyền diệu, khó hiểu của Khổng tử và Lão tử đã nhọc công xây dựng cả. Đó là sự thật.

Tóm lại các tôn giáo có những triết thuyết về nguồn gốc của vũ trụ và đời sống hoàn toàn khác biệt nhau, nhưng tựu chung tất cả đều đồng ý về một cái gì đó bất khả luận bàn chi phối cả vạn vật trong vũ trụ. Cái tuyệt đối đó dù được nhân cách hóa để mệnh danh là một đấng Thượng Đế hay chỉ là một nguyên lý siêu hình hoặc vừa là cả hai thì đó cũng chỉ là một quan niệm tương đối để chỉ về một cái gì đó tuyệt đối mà lý trí con người không thể quan niệm nổi. Ngay cả những người có thần nhãn khi nhìn thấy cái năng lực siêu hình ấy siêu xuất ra các cảnh giới bất khả tư nghi về đức Thượng Đế, về chư Phật mười phương, về các thiên sứ hoặc chư Thánh, chư Thần, về các quốc độ của chư Phật, về các tầng trời, về các pháp hội v.v... và nếu họ có kinh nghiệm thần bí một chút thì họ sẽ hiểu rõ rằng năng lực đó là một cái gì có thể thị hiện vô số thần biến bất khả tư nghi, tùy theo sở chấp và trình độ hiểu biết của từng người mà diễn ra từng cảnh giới tương ứng: sẽ là vô số các thần linh nếu chúng ta theo đa thần giáo; sẽ là mười phương chư Phật cho các Phật tử Đại Thừa; sẽ là Quan Thế Âm người nam cho những người Tây Tạng, như lại là người nữ cho người Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam, ...; sẽ là Thái Cực Đồ cho những người theo Đạo Lão; sẽ là Ngoan Không cho các sư sãi nguyên thủy Phật

Giáo; sẽ là sơn Thần cho các dân tộc miền núi; sẽ là Thần cây đa cho những nông dân mộc mạc Việt Nam; sẽ là tổ tiên của họ cho những người thờ phượng ông bà v.v...

Chính nhờ thị hiện vô số hóa thân và cảnh giới như thế của các đấng thần linh hay của Thượng Đế mà con người đã, đang và sẽ mãi mãi tin tưởng nơi đạo giáo, dù họ quan niệm Đạo, Thượng Đế, Trời, Phật, thần linh một cách hồ đồ đơn sơ và ngu dốt cách mấy và dù họ có chế diễu lẫn nhau ra sao! Miễn là tất cả bọn họ tin tưởng có cái gì đó siêu việt trên họ có thể thưởng phạt họ tùy theo lối sống của họ ở trần gian này lành hay dữ; như thế là đủ.

ĐẠI NÉT CỦA PHẬT GIÁO QUA LẬP TRƯỜNG Đİ BIỆT CỦA CÁC GIÁO PHÁI

Phật Giáo khởi đầu trong khung cảnh Ấn Độ, nơi mà lòng sung mộ đạo giáo chiếm vị thế ưu thắng. Lịch sử cho thấy xã hội Ấn thời đó có bốn giai cấp, đứng đầu là các giáo sĩ Bà La Môn có một uy quyền tuyệt đối ngự trị trên tư tưởng và đời sống của những dòng dõi vua chúa và toàn thể xã hội. Họ nắm đặc quyền về tôn giáo, trực tiếp tế lễ quỷ thần và đứng chủ tể trong đạo là đức Phạm Thiên. Giáo phẩm còn được chia ra làm ba cấp:

- Bực thượng đẳng là các sư Bà La Môn không còn trực tiếp giao thiệp với dân gian. Hạng này chuyên nghiên cứu về các sức lực hữu hình và siêu hình trong vũ trụ.

- Bực trung là những tu sĩ chuyên coi về khoa bói toán, tiên tri liên lạc với quỷ thần, thi triển được các phép linh. Họ chuyên tham khảo, diễn giải và thực hành bộ kinh Phệ Đà thứ tư (Atharva Veda), bộ cao trội có đủ những câu thần chú.

- Bực hạ là những nhà sư cúng lễ thông thường, phục vụ nơi đền chùa. Nhóm này thường đọc tụng ba bộ kinh đầu của Phệ Đà (Rig Veda, Yajur Veda, Sama Veda).

Hạng Bà La Môn cuối phải tu học hai mươi năm mới lên hạng trung, hạng trung phải tu học hai mươi năm mới lên hạng thượng. Lãnh đạo toàn thể ba hạng trên có một vị chưởng quản tôn giáo, giúp việc chung quanh ngài có một hội đồng gồm đến hơn bảy mươi vị sư.

Mỗi thầy tu Bà La Môn phải giữ mười giới cấm sau:

1. Nhẫn nhục
2. Làm phải
3. Điều độ
4. Chân thật
5. Trong sạch

6. Thống trị giác quan
7. Biết rành kinh luật Phệ Đà
8. Biết rõ đấng Phạm Thiên
9. Ăn nói chân chánh
10. Giữ mình đừng giận

Thái tử Sĩ Đạt Ta ra đời trong dòng dõi vua chúa, giữa một xã hội mà vương tộc và quần chúng đều nhiệt thành tin tưởng Bà La Môn Giáo. Sự học hỏi đầu tiên của Thái tử dĩ nhiên phải là những tư tưởng của bộ kinh Phệ Đà. Mục đích cao thượng nhất của toàn thể dân chúng không gì khác hơn là trở thành các vị Bà La Môn cao quý nhất trong xã hội và được hiệp nhất linh hồn mình với Thượng Đế Brahma. Thái tử xuất gia cũng chính vì lẽ ấy.

Không bằng lòng với chữ nghĩa lý thuyết suông về đạo trong các bộ kinh cổ truyền, Thái tử rũ bỏ tất cả mọi trói buộc, một mình lang thang hiến mình cho công cuộc truy tầm chân lý. Ông đã trải qua từ vị thầy này đến các đạo sĩ khác nhau, khổ hạnh cũng như trung đạo, chịu thử thách của hàng ma vương... cuối cùng đắc đạo dưới cội cây bồ đề.

Cái nội chứng của đức Phật không phải là một điều dễ biết. Nhưng tựu chung kinh Phật chép rằng Ngài đã giải thoát và đắc quả Phật cũng như đã chứng đắc rất nhiều tuệ giác (năng lực thần thông) – Túc mạng minh (nhớ lại tiền kiếp) – Thiên nhãn minh (biết rõ sự phân tán và cấu hợp trở lại của một chúng sanh) – Lưu tận minh (biết rõ các pháp trầm luân) v.v... Như vậy theo Phật Giáo cho biết: sau cuộc chiến đấu phi thường khoảng sáu năm, đạo sĩ Cồ Đàm lúc đó khoảng ba mươi lăm tuổi, đã tận diệt mọi ô nhiễm, chứng ngộ thực tướng của vạn pháp, trở thành một đấng chánh biến tri, bậc toàn giác.

Sau đó Ngài bắt đầu rao giảng chánh pháp lần đầu tiên tại rừng Lộc Uyển cho bốn năm ông Kiều Trần Như về Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo. Đó là bài kinh được gọi là chuyển pháp luân của đức Thích ca và tương truyền rằng có nhiều chư thiên và Phạm Thiên đến nghe giảng và hoan hô nhiệt liệt. Sau đó Ngài tiếp tục rao

giảng những gì mình đã chứng ngộ về đạo và thân nhận đệ tử hơn bốn mươi năm rồi nhập diệt.

Ngày nay, các công trình nghiên cứu về Phật Giáo cho thấy suốt cả thời kỳ giảng đạo của đức Thích Ca, Ngài chỉ dùng ngôn ngữ để diễn đạt tư tưởng của mình. Riêng các đệ tử thì chỉ nghe, chớ không có ai ghi chép lại bằng văn tự. Ngay cả sau khi Ngài tịch diệt, lần tập hợp các đệ tử của Phật đầu tiên, dưới sự chủ tọa của Ca Diếp, để đúc kết lại những lời Phật dạy, cũng chỉ là sự lập lại những gì mà mỗi đệ tử đã nghe và còn nhớ; chúng không được ghi chép thành văn.



Một trăm năm sau, những đệ tử đã từng cận kề đức Phật lần lượt cũng đã qua đời. Phật pháp càng ngày càng dễ trở nên sai lạc với tôn ý của đức Phật. Nhiều ý kiến đối lập nhau đã nảy sinh trong hàng tăng chúng. Bây giờ họ mới họp lại với nhau một lần nữa để san định lại những lời Phật dạy. Lúc đó nhiều tranh cãi mãnh liệt giữa các giáo đoàn và các tu sĩ về đạo lý thật sự của đức Thích Ca. Sự mâu thuẫn phát sinh do nhiều nguyên nhân: cũng có những yếu tố hiềm khích phe phái, cộng với sự tranh chấp uy tín cá nhân; cũng như trình độ căn cơ hiểu biết dị biệt, sự giải thích những gì Phật dạy theo chủ kiến của mỗi giáo đoàn v.v... Từ đó Phật Giáo phân chia thành hai khối rõ rệt: Thượng tọa bộ gồm những tu sĩ trưởng lão bảo thủ, tự cho mình là phái duy trì những giáo lý nguyên thủy của đức Phật và phái bên kia là Đại chúng bộ gồm phần đông các tăng lữ trẻ tuổi hơn, có đầu óc phóng khoáng, tự do và cấp tiến hơn trong việc tìm hiểu cũng như giải thích về Phật pháp. Tuy lần kết tập thứ hai này có nhiều sự tranh cãi sôi nổi, nhưng nó vẫn ở trong hình thức biện biệt bằng ngôn ngữ, chớ cũng chưa được ghi chép lại.

Sau lần đó, Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ càng ngày càng công kích nhau dữ dội. Sự rạn nứt không còn làm sao hàn gắn lại được nữa. Để biện minh và đề

cao lập trường tư tưởng của mình, mỗi bộ phái đều có những luận phẩm giá trị xây dựng bởi những luận sư nổi tiếng để củng cố uy tín và phê bình chủ thuyết của phái kia. Nhờ vậy về sau mới có những luận thuyết để tạo thành luận tạng riêng của mỗi phái. Cho đến đời vua A Dục (Asoka), khoảng bốn trăm năm sau khi Phật nhập niết bàn, tăng già chia ra có đến hơn hai mươi hệ phái mà mười thuộc Thượng tọa và mười thuộc Đại chúng bộ. Cuộc kiết tập bằng văn tự chỉ thật sự xuất hiện ở lần thứ ba vào đời vua A Dục và Ca Ni Sắc (Kanisha). Phật Giáo lúc đó được ghi chép lại bằng hai thứ chữ của Ấn Độ là Bắc Phạn (Sanskrit) và Nam Phạn (Pali). Sau đó Phật Giáo bị suy vi ở ngay trên đất Ấn vì bị sự cạnh tranh của Ấn Độ Giáo và Hồi giáo, nhưng nó được bảo tồn do sự truyền bá sang các nước chung quanh. Kinh điển Pali, đượm mùi Tiểu Thừa, được truyền về phía Nam nước Ấn còn được gọi là Nam Tông. Bắc Tông hay Đại Thừa gồm tạng kinh viết bằng Sanscrit thì được truyền sang phía Bắc ngoài nước Ấn.

Trải qua cả ngàn năm nay, Phật Giáo lớn mạnh tại các nước Á Châu với các phái Tiểu Thừa tại Tích Lan, Thái Lan, Cao Miên, Lào, Miến Điện ... và Đại Thừa tại tây tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam... Tiểu Thừa và Đại Thừa nay đều có ba tạng Kinh, Luật, Luận riêng cho mỗi trường phái. Ngày nay khi nghiên cứu về Phật Giáo Nam và Bắc Tông, người ta chỉ có thể căn cứ trên kinh điển bằng tiếng Pali của Tích Lan cũng như Hán văn của Trung Hoa và thổ ngữ của Tây Tạng vì những kinh điển nguyên thủy viết bằng Pali và Sanscrit tại đất Ấn đã bị Hồi Giáo tàn phá trong quá khứ, không còn nguyên vẹn nữa. Hai bộ tam tạng kinh được lưu truyền có thể kể như sau:

- Bộ tam tạng kinh của Nam tông hay bộ A Hàm gồm có: kinh Trường A hàm, kinh Trung A hàm, kinh Tăng Nhất A Hàm, kinh Tạp A Hàm, kinh Tiểu A Hàm.

- Ba bộ kinh của Bắc tông có bộ A Hàm, Hoa Nghiêm, Diệu Pháp Liên Hoa, Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Duy ma, Viên Giác, Kim Cang, Di Đà, Niết bàn v.v...

Mặc dù sự hiện diện của hai bộ tam tạng kinh của Tiểu và Đại thừa; các học giả theo quan điểm khoa học, khi nghiên cứu về Phật Giáo, đã cho rằng những kinh điển hiện hữu, dù miễn cưỡng được gán cho là do chính đức Phật thuyết, thật ra đó

là những kết luận không vững chắc. Những tư tưởng đầu tiên của cái cây Phật Giáo chắc chắn không phải là cái rừng giáo lý ngày nay mà những người Phật tử có. Thông điệp nguyên thủy của đức Phật là gì cho đến nay và mãi mãi vẫn còn là một nghi vấn.

Mặc dù có sự cố gắng thống nhất những lời Phật dạy dù Nam hay Bắc tông bằng một chủ thuyết về ngũ thời pháp của đức Phật do các tu sĩ Phật Giáo đưa ra, chủ thuyết đó cũng không thể thỏa mãn được sự chống đối phe phái hiện tại và giải đáp thỏa đáng cho những nhà nghiên cứu Phật Giáo có tinh thần khách quan khoa học. Ngũ thời thuyết pháp đó như sau:

I. Thời kỳ thứ nhất: Sau khi thành đạo, Phật còn ngự tại gốc bồ đề thêm hai mươi một ngày nữa. Lúc đó tinh thần Ngài thật là sáng khoái. Chân lý chứng ngộ được Ngài thuyết minh một cách rất cao thâm huyền diệu; đến nỗi chỉ có các bậc thiên thần mới đủ khả năng lĩnh hội mà thôi. Riêng bọn thế nhân không ai có thể hiểu nổi. Lời giảng này được chép vào kinh Hoa Nghiêm. Thời kỳ đầu là thời kỳ Hoa Nghiêm.

II. Thời kỳ thứ hai: Thấy đạo lý mình không ai hiểu thấu, đức Phật đến rừng Lộc Uyển, hạ thấp giáo thuyết của mình xuống, giảng cái giáo pháp Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên. Thời kỳ này toàn là pháp lý Tiểu Thừa và được ghi lại trong các kinh của bộ A Hàm.

III. Thời kỳ thứ ba: Giáo pháp lan rộng trong dân gian và xung đột với các phái đạo và triết học khác làm cho đức Phật bắt buộc phải giảng minh, giải đáp, biện luận về lập thuyết của mình. Các cuộc đối thoại, biện minh đều được ghi vào kinh Duy Ma và Đại Tập. Thời kỳ này pha lẫn Tiểu Thừa và Đại Thừa, được gọi là thời Phương Đẳng.

IV. Thời kỳ thứ tư: Phật giảng cho các đệ tử trí thức siêu đẳng những nguyên lý cùng tột của vũ trụ. Thời kỳ này là Bát Nhã.

V. Thời kỳ thứ năm: Phật pháp đã đến lúc trưởng thành. Phật đem Bồ Tát thừa mà giảng cho các đệ tử cao nhất của Ngài. Thời kỳ này gọi là thời Pháp Hoa.

Sự phân loại toàn bộ giáo pháp Tiểu Thừa và Đại Thừa của Phật Giáo theo quan điểm trên, ắt hẳn khó được các tu sĩ Tiểu Thừa chấp nhận. Nhưng dù đạo Phật Tiểu hay Đại thừa, tất cả các hệ thuyết của nó, theo tinh thần luận lý, cũng chỉ là một công trình liên tục của nhiều tu sĩ và học giả kiên quyết, khởi đầu là thiên tài Thích Ca và tiếp nối sau đó là chư vị tổ sư khác, xuất hiện qua thời gian lâu dài đã xây dựng nên. Một tập thể những nhà đạo học hữu danh hay vô danh, hoàn toàn dâng hiến mình cho công cuộc truy tầm chân lý và phát minh ra những phương cách trị liệu tâm linh cho nhân loại khác nhau, đã đưa đến cái kết quả của nó là đạo Phật ngày nay.

Giờ đây, những nhà thức gia, không ai bận tâm lắm với cuốn kinh này hay kinh khác, có phải là lời của đức Phật Thích ca hay của một vị thánh hiền nào đã nói hay không? Mà thực tế là các tư tưởng trong quyển kinh đó có đúng hay không? Có ích lợi hay không? Chính các tu sĩ nhà Phật cũng đã thường được cảnh giác chớ để cho đức tin và sự mê tín xâm nhập vào tinh thần học hỏi những lời Phật dạy. Thái độ sau đây thường được khuyên nhủ: Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì nghe nói lại, chỉ vì tập tục cổ truyền, chỉ vì phần đông đã tin theo, chỉ vì có lời đồn đãi, chỉ vì điều ấy được ghi chép trong kinh sách, chỉ vì có người cho là do đại đức, hòa thượng hay Phật nói, chỉ vì đã được ước đoán như vậy, chỉ vì mình suy diễn như thế, chỉ vì hợp với thành kiến của mình... chỉ nên tin những gì sau khi đã suy nghĩ, trải nghiệm và thấy nó hợp với chân lý.

Nếu giữ đúng theo tinh thần trên để khảo sát về Phật Giáo và những vấn đề mà chính nó đã đề cung cho nhân loại để xác định chúng có thực tế, hợp lý và ích lợi hay không cho loài người? Được như vậy nó mới có thể so sánh với các bộ môn khoa học khác trong vấn đề phục vụ nhân sinh. Bằng trái lại nó không tránh khỏi những thái độ nghi ngờ, chế giễu, thờ ơ lạnh nhạt của đa số loài người vì chính những cái mà nó đưa ra chứa quá nhiều sự u tối do lòng mê tín, cuồng tín, không tưởng v.v... của những người thiếu học. Phần sau chúng ta sẽ liên tục xem xét lại toàn bộ những đại nét mà Phật Giáo đã đưa ra khi hứa hẹn cái cứu cánh giải thoát

cho những người khảo sát, tin tưởng nó hiện tại hay trong quá khứ và cố gắng tìm hiểu nó theo tinh thần khoa học khách quan.

Con đường Trung đạo của Phật Giáo

Thời kỳ đức Thích ca sống, xã hội Ấn có đến hơn sáu mươi tiết thuyết khác nhau về đạo. Mỗi giáo thuyết đề ra một phương cách riêng và đều chủ trương chỉ có đường lối của họ là con đường duy nhất đưa tới sự giác ngộ tối thượng.

Thái tử Sĩ Đạt Ta cũng đã từng tu tập nhiều cách trước khi tìm ra con đường riêng cho chính mình. Kinh Phật chép rằng Ngài đã đắc quả Phật và chuyển pháp luân lần đầu tiên cho năm ông Kiều Trần Như. Tiểu Thừa tuyên xưng bài pháp Tứ Thánh Đế này là chân lý tuyệt diệu, độc nhất vô nhị. Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkaappavattana sutta) ghi: “Đến khi, hồi này các tỳ khưu, tri kiến tuyệt đối như thực của Như Lai về bốn Pháp Thánh Đế, dưới ba sắc thái và mười hai phương thức, đã trở nên hoàn toàn sáng tỏ, chỉ đến chừng ấy, Như Lai mới xác nhận trước thế gian gồm chư thiên, ma vương và Phạm Thiên, giữa các chúng sa môn, Bà La Môn, Trời và người rằng Như Lai đã chứng ngộ vô thượng chánh đẳng giác.”

Lúc ấy có nhiều chư thiên đến dự thính đã hoan hô: “Pháp Luân này quả thật tuyệt diệu! Không có sa môn, Bà La Môn, chư thiên, ma vương hay Phạm Thiên (Thượng Đế theo quan niệm của người Ấn) nào trên thế gian có thể giảng được. Đức Thế Tôn đã vận chuyển pháp luân này tại vườn Lộc Uyển, cho chư thiên Đọa Xứ, gần Ba La Nại”. Kinh Tiểu Thừa còn cho rằng lúc ấy mười ngàn thế giới gồm các cung trời đều chuyển động, lung lay và rung chuyển mạnh mẽ.

Đức Thích Ca đã nói gì về cái cứu cánh giải thoát đã chứng ngộ cho năm ông Kiều Trần Như mà kinh điển Tiểu Thừa đã mệnh danh nó như là một chân lý tối thượng mà loài người cùng các chư thiên, chư thiên vương và chính Thượng Đế

chưa từng được biết? Chúng ta hãy xem tiếp bài kinh Chuyển Pháp Luân này về Tứ Thánh Đế: “Hỡi các tỳ khưu, có hai cực đoan mà hàng xuất gia phải tránh:



1. Sự dễ dãi trong dục lạc – Là thấp hèn, thô bỉ, phạm tục, không xứng phẩm hạnh của bậc thánh hiền và vô ích.

2. Sự thiết tha trong lối gắn bó tu khổ hạnh – là đau khổ, không xứng phẩm hạnh của bậc thánh nhơn và vô ích.

Từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai đã chứng ngộ con đường trung đạo, là con đường đem lại nhãn quan và tri kiến và đưa

đến an tịnh, trí tuệ cao siêu, giác ngộ và niết bàn.”

Đức Phật giảng tiếp: “Hỡi này các tỳ khưu, bây giờ đây là chân lý cao thượng về sự khổ (Khổ Thánh Đế):

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, tử là khổ, sống chung với người mình không ưa thích là khổ, xa lìa những người mình thân yêu là khổ, mong muốn mà không được là khổ. Tóm lại chính thân ngũ uẩn này là khổ.

Bây giờ, hỡi này các tỳ khưu, đây là chân lý cao thượng về nguồn gốc của sự khổ (Tập Khổ Thánh Đế):

Chính ái dục là nguyên nhân của sự tái sanh. Ái hợp với tâm thiết tha khao khát, bám bấu cái này hay cái kia (đời sống). Chính là ái, đeo níu theo nhục dục ngũ trần; ái đeo níu theo sự sinh tồn và ái đeo níu theo ý tưởng không sinh tồn (sau cái chết là hư vô).

Bây giờ, hỡi này các tỳ khưu, đây là chân lý cao thượng về sự diệt khổ (Diệt Khổ Thánh Đế):

Đó là sự xa lánh trọn vẹn và sự tận diệt chính cái ái đó. Đó là sự rời bỏ, sự từ khước, sự thoát ly và sự tách rời ra khỏi tâm ái dục.

Bây giờ, hỡi này các tỳ khưu, đây là chân lý về con đường dẫn đến sự diệt khổ (Đạo Thánh Đế): đó là Bát Chánh Đạo.”

Qua bài kinh Chuyển Pháp Luân này chúng ta cần duyệt lại xem các tu sĩ Phật Giáo đã giải thích như thế nào về con đường Trung Đạo đó.

Xã hội Ấn, lúc đức Phật còn tại thế, có hai chủ thuyết chính về linh hồn: Thuyết tin tưởng có đời sống sau khi chết và Thuyết tuyệt diệt. Theo Thuyết tuyệt diệt thì sau khi chết, con người hoàn toàn mất, trở thành số không. Mọi vật chất tạo thành cơ thể con người cũng như mọi yếu tố tinh thần, tư tưởng cũng đều bị tuyệt diệt. Không có cái gì còn lại để tiếp nối sau cái chết. Chết là hết, là chấm dứt tất cả. Chỉ có đời sống hiện tại là thực tiễn. Con người hãy ăn uống, chiêm đoạt và tận hưởng mọi lạc thú càng nhiều càng tốt, vì cái chết đến với tất cả. Đạo đức là một ảo tưởng, tôn giáo là một thác loạn điên cuồng, một chứng bệnh thần kinh. Chỉ có khoái lạc thế gian là thực tế, không cần kiểm soát khát vọng và bản năng vì đó là phần di sản thiên nhiên của con người.

Về phía các giáo phái chấp nhận có đời sống sau khi chết, họ đề ra nhiều lẽ lối rất dị kỳ, phản tự nhiên, mê hoặc được nhiều tín đồ ngu dốt và mê tín hùa theo. Người ta ghi nhận có những phái lỏa thể, những phái ăn ở dơ bẩn, những phái tự hành hạ xác thân, có phái đứng một giò, có phái tu khổ hạnh v.v....

Thái tử Sĩ Đạt Ta cũng đã bị lôi cuốn theo phái tu khổ hạnh trong nhiều năm. Ông ăn uống rất ít, cho đến nỗi chỉ còn da bọc xương và bị ngất chết. Đến lúc ấy ông mới nhận thức được lối tu khổ hạnh đó chỉ làm kiệt quệ cơ thể và tinh thần của mình, tự làm khổ thêm cho bản thân, chớ không đoạt được sự giải thoát chi cả. Ông bỏ lối tu đó và trở lại ăn uống bình thường. Bọn năm ông Kiều Trần Như cũng tu chung với Thái tử thấy vậy bỏ đi và nói rằng: Đạo sĩ Cồ Đàm đã trở lại ưa thích xa hoa, đã ngừng cố gắng và đã quay về đời sống lợi dưỡng. Thành kiến cho rằng phải thiết tha trung thành ghép mình vào nếp sống kỳ dị, khắc khe, khổ hạnh để giải thoát không phải dễ xóa bỏ nơi người Ấn.

Thế nên khi đức Phật Thích Ca ra giảng đạo, trong bài pháp đầu tiên cho năm ông bạn tu cũ của mình, đức Phật đã nhấn mạnh đến con đường trung đạo, tức là không dễ dãi trong dục lạc như phái tuyệt diệt, cũng như không gấn bó trong lối tu khổ hạnh.

Cái chủ thuyết Trung Đạo nghe qua thì rất dễ, nhưng trong thực tế, nó rất co giãn tùy theo nhận thức của từng người. Buông bỏ tới đâu mới được gọi là không chạy theo dục lạc? Khó khăn với mình đến mức nào mới không bị coi là khổ hạnh? Đó là một chuyện khó mình định được rõ ràng.

Thực tế ngay khi đức Thích ca còn sống, Đề Bà Đạt Đa có tham vọng cướp đoạt ngôi giáo chủ của Ngài, đã vận dụng chiêu bài thánh thiện, trong sạch và chịu theo khuynh hướng tin tưởng cố hữu về những lối tu kỳ lạ và khổ hạnh của người Ấn, đã yêu cầu và áp lực với đức Phật ban hành thêm năm điều này cho các tăng lữ:

1. Tỳ khưu phải sống trọn đời trong rừng.
2. Tỳ khưu phải sống đời du phương, hành khát.
3. Tỳ khưu phải đắp y may bằng những mảnh vải lượm ở đồng rác và nghĩa địa.
4. Tỳ khưu phải sống dưới gốc cây.
5. Tỳ khưu phải ăn chay suốt đời.

Trước mặt đức Phật và các tỳ khưu, Đề Bà Đạt Đa đã biện luận: “Này các đạo hữu, những điểm yêu cầu của tôi và những lời của đức Như Lai, lời nào cao thượng hơn? Ai muốn thoát mọi khổ não hãy theo tôi.”

Bằng chiêu bài hình thức của đời sống và cách ăn mặc lạ thường nổi bậc trên mới xứng đáng phẩm hạnh của bậc thánh thiện, Đề Bà Đạt Đa đã lôi cuốn được nhiều vị tỳ khưu mới xuất gia, có nhiều lý tưởng nhưng thiếu kinh nghiệm trong đời sống thực tế, nhẹ dạ bỏ đức Phật theo Đề Bà Đạt Đa rất đông. Chính sau này đức Phật phải cho Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đến nơi họ để giải thích một cách khó khăn mới đưa những người lầm đường, lạc lối ấy trở về với đức Phật.

Cái khuynh hướng đề cao và làm việc kỳ lạ, nổi bậc để lòa người về uy tín thánh thiện của mình, hình như lúc nào cũng manh nha nơi tâm lý con người không có thực tài và đầy tham vọng giải thoát của người dân Ấn lúc bấy giờ.

Cái việc đó lại xảy ra một lần nữa, lúc ấy khi đức Phật đã tịch. Vì theo truyền thống của giáo hội tăng già lúc ấy, các vị tỳ khưu xuất gia phải sống đời độc thân trong tịnh xá, để dễ dàng tu học và dành hết thời giờ của mình trong việc hoằng truyền đạo pháp, đã được cái tâm lý ưa chuộng. Sự khác thường của một số người thối phồng, đần đỏi là chư vị tỳ khưu đã tuyệt dục tính, qui túc v.v... Nhưng trong một lần kiết tập, có một vị tỳ khưu đã khẳng khái lên tiếng phủ nhận rằng chính các vị được coi là đắc quả A La Hán vẫn còn xuất tinh lúc ban đêm.

Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, con đường trung đạo đưa tới sự giải thoát do đức Phật đề ra đã được tranh cãi trong hàng ngũ các giáo phái. Có đến hơn bốn mươi tông phái khác nhau đều cho rằng mình là người kế thừa chân chính cho những gì Phật dạy. Những đại nét dị biệt của nó đều gồm chứa vào hai trường phái chính là Tiểu Thừa và Đại Thừa Phật Giáo. Sự khác biệt lớn giữa hai phái trên trong các quan niệm của chúng về đức Phật, về vũ trụ quan và nhân sinh quan, phương pháp giải thoát v.v... đã trở thành càng ngày càng mâu thuẫn hơn qua thời gian, cho đến nỗi không phải vô cơ mà những tu sĩ Tiểu Thừa đã gán cho Đại Thừa là những đứa con hoang của Phật Giáo, vì họ đã quên mất đức Phật, lịch sử và vượt quá xa những lời Ngài dạy. Mặt khác Đại Thừa cũng không phải vô lý khi mệnh danh Tiểu Thừa là ngoại đạo vì họ quá câu chấp theo văn tự, đầu óc hẹp hòi, ích kỷ, nông cạn và cao ngạo nên không thể biểu thị được cá tính hóa của đạo Phật. Nội dung của bài này chỉ tìm hiểu những nét chính yếu của hai phái liên quan đến những vấn đề hiện thực xã hội của nền văn minh hiện đại căn cứ trên luật khách quan và thực tế của đời sống.

Trước hết Tiểu Thừa vì chủ trương đời là bể khổ, không có một đáng thành linh nào có thể giải thoát cho con người ra khỏi cuộc sống khổ đau, mà chỉ có chính họ phải tự tay chặt đứt cái dây ái dục đã ràng buộc họ trong vòng sanh tử luân hồi. Để thoát khỏi trần gian họ phải nỗ lực xa lánh những phiền não của đời sống, phải học cách cư xử như không có bản ngã và phải bỏ rơi lại sau lưng những gì thuộc về

thế tục, vì chúng không có thật và đáng ghét. Quan niệm như thế nên chỉ còn có con đường duy nhất là sống đời tu sĩ xuất gia mới mong hy vọng đạt tới bờ giải thoát, riêng đa số nhân loại thì không có hy vọng chi cả trong vấn đề này.

Một thái độ hoàn toàn thất vọng với thế giới hiện tại và với chính mình và cá nhân chủ nghĩa triệt để trong sự giải thoát; đó là mục tiêu mà Tiểu Thừa Phật Giáo đề cung cho nhân loại theo đường lối của họ. Chính vì thế mà người ta thường xem rằng Phật Giáo là một chủ thuyết bi quan cao độ.

Nhưng để thực hiện con đường diệt ngã đó, Tiểu Thừa đã để lại rất nhiều dấu chứng tỏ họ chẳng diệt ngã được bao nhiêu, mà trái lại cái ngã của họ về giáo chủ của mình, tông phái của mình, tôn giáo của mình, giáo phẩm tỳ khưu của mình lại lớn hơn ai hết.

Chúng ta nên đọc một số tư tưởng chính của kinh điển Tiểu Thừa để thấy rõ những nhận định trên:

1. Kinh Trung A Hàm (Majjhima Nikaya Ariyapariyesana Sutta – số 26) ghi lại câu chuyện về việc đạo sĩ Upaka gặp đức Phật và hỏi: Thầy của đạo hữu là ai? Đạo hữu truyền bá giáo lý của ai? Vì sao đạo hữu từ bỏ đời sống gia đình?

Đức Phật trả lời: “Như Lai đã vượt qua tất cả, Như Lai đã thông suốt tất cả. Như lai đã dứt bỏ mọi trói buộc. Như Lai đã thoát ly tất cả. Như Lai đã chú hết tâm lực tận diệt tham dục (A La Hán). Đã thấu triệt tất cả, Như Lai còn gọi ai là thầy? Không ai là thầy của Như Lai. Không ai đứng ngang hàng với Như Lai. Trên thế gian này, kể cả chư thiên và Phạm Thiên, không ai có thể so sánh với Như Lai. Quả thật Như Lai là một vị A La Hán trên thế gian này. Như Lai là tôn sư vô thượng. Chỉ một mình Như Lai là bậc toàn giác, vắng lặng và thanh tịnh. Như Lai đang đến thành Kasi để vận chuyển bánh xe Pháp Bảo giữa thế gian mù quáng. Như Lai sẽ giống lên hồi trống Vô Sanh Bất Diệt.

2. Sau ngày thành đạo, lúc còn ngụ tại gốc cây Ajapala, trên bờ sông Ni Liên Thiên (Neranjara), kinh Tiểu Thừa ghi là những ý tưởng sau đây phát sanh, lúc đức Phật ngồi tham thiền:

”Quả thật là đau khổ vì không có ai để ta lễ bái và tỏ lòng tôn kính. Hay là để ta tìm đến một vị sa môn hay một vị Bà La Môn nào để sùng bái, tôn kính và lễ bái, hầu nâng cao giới đức... tâm định... trí tuệ và sự giải thoát đến chỗ toàn thiện chẳng? Nhưng trên thế gian này ta không thấy ai, dầu trong hàng chư thiên, ma vương hay Phạm Thiên hay giữa những chúng sanh như sa môn, Bà La Môn, trời và người, có sự giải thoát cao thượng hơn ta để ta thân cận, tôn kính và sùng bái. Hay là ta hãy tôn kính và sùng bái chính cái giáo pháp mà ta đã chứng ngộ.” (Đức Phật và Phật Pháp – Narada – trang 75-76).

Thực tế những bậc thánh tri là hạng người khiêm tốn. Socrate một hiền giả Hy Lạp có nói: “Điều mà tôi biết nhiều nhất và rõ nhất trong đời tôi là tôi không biết gì cả”. Khổng Tử cũng có câu: “Cái gì mình biết là mình chưa biết; đó là biết vậy”. Liệu một vị giáo chủ vĩ đại như đức Phật nghĩ như thế nào khi biết các môn sinh đệ tử của mình đã gán cho mình những lời tự tôn, tự đại trên, để bốc thơm cho mình? Những người có đầu óc khoa học hiện đại sẽ nghĩ sao về lối tu diệt ngã đó?

Cái tâm lý tôn thầy mình là đệ nhất thiên hạ để mình lớn theo ông thầy mình rõ ràng được bộc lộ trong đoạn văn kể sau đây: “Vì chư tăng cũng có những đặc tính vĩ đại, cao thượng nên cũng xứng đáng thọ lãnh sự tôn kính của đức Phật – Đức Phật thuyết pháp bài này khi Ngài ngụ tại Kỳ Viên tịnh xá (Jetavana), Savatthi lâu sau khi Ngài lập giáo hội Tăng Già. Ngài muốn chứng tỏ lòng tôn kính của Ngài đối với tăng già để khuyên dạy bà Maha Pajapati Gotami nên dâng đến chư tăng một bộ y mà bà đã ra công may để dâng đến đức Phật.” (Đức Phật và Phật Pháp – Narada – trang 77).

Để ngăn chặn cái quá lớn của Tiểu Thừa, để sửa sai cái chủ kiến bi quan triệt để của họ đối với kiếp nhân sinh, để điều chỉnh cái tự tôn, tự đắc quá đáng của họ về giáo thuyết, để mở mắt cho họ thấy sự liên đới bổn phận và trách nhiệm của họ đối với xã hội loài người, để nói thật cho họ biết họ chưa chứng đắc chi cả, để cho họ thấy họ còn thua xa những người thế tục về nhiều khía cạnh, để dạy cho họ bài

học khiêm tốn hơn vì trái với phẩm hạnh nếu họ tiếp tục huênh hoang với các chư thiên hay các thiên vương ở những tầng trời, để cảnh tỉnh cái lối tu tập của họ có nhiều việc trái với luật tự nhiên của tạo hóa, trong khi đó họ lại có ảo giác là mình khôn ngoan hơn tạo hóa, để chỉ cho họ biết sự hiểu biết của họ rất nông cạn và dễ lầm lạc trong khi đó ngộ nhận mình là kẻ toàn trí đáng được thế gian cúng dường và đảnh lễ, để tỏ rõ cho họ hay là phẩm cách của họ rất tầm thường trong khi tưởng rằng mình là kẻ đại hạnh. Vì tất cả những lý lẽ trên mà Đại Thừa Phật Giáo lần lượt xây dựng chủ thuyết của mình trên cả ngàn năm qua.

Thật vậy trong khi Tiểu Thừa Phật Giáo coi bài pháp Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo của họ là cao tốt độ thì Đại Thừa đã sửa sai một cách lể độ mà cho rằng đó chỉ là một bài tầm thường dành cho những người kém tiến hóa, chậm hiểu và độn căn mà đức Phật phải dạy dỗ.

Trong khi họ phủ nhận sự giúp đỡ của các đạo sư ở thế gian và thiên giới thì Đại Thừa nhắc nhở cho họ thấy mười phương quốc độ với hằng hà sa số Phật và Bồ Tát, đã thành Phật từ vô lượng kiếp rồi có thể nâng đỡ và độ rỗi cho họ.

Trong khi họ sợ hãi phiền não thì Đại Thừa khéo léo mách cho họ biết phiền não là gốc bồ đề.

Trong khi họ muốn trốn chạy và tách rời khỏi thế gian để tìm cách nhập niết bàn thì Đại Thừa cho họ biết sinh tử chính là niết bàn.

Trong khi họ ích kỷ muốn giải thoát cho riêng bản thân, bỏ mặc mọi người ở lại trần gian, thì Đại Thừa dạy cho họ thấy có rất nhiều vị cổ Phật, đã thành Phật từ vô số kiếp vẫn còn đi độ chúng sanh và đã phát thệ nguyện nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật thì mình không chịu an hưởng thú vui niết bàn.

Trong khi họ yếm thế, bi quan, trốn tránh trách nhiệm thì Đại Thừa khuyên họ hãy trở về đời sống mà trả cho xong bốn nợ: nợ nhân loại – nợ quốc gia – nợ cha mẹ, anh em và nợ tam bảo trước khi muốn giải thoát.

Trong khi họ tưởng họ đắc đạo thì Đại Thừa nhắc cho họ biết ngay cả hàng đại đệ tử của đức Phật như Xá Lợi Phất và chư đại Thanh Văn tăng, còn phải tu nhiều kiếp nữa mới thành Phật và mệnh danh năm ngàn người trong Pháp hội Pháp Hoa chưa đắc đạo mà tưởng mình đã đắc là tăng thượng mạn.

Trong khi các sư tăng Tiểu Thừa ngạo mạn cho rằng chư thiên vương ở các cảnh trời thua kém họ, thì Đại Thừa xác định rằng các vị đó đều là bậc đại Bồ tát thị hiện và hơn họ cả triệu lần.

Mặc dù có những lập trường dị biệt như trên trong vòng cả ngàn năm đầu của Phật Giáo, nhưng cả hai trường phái Tiểu và Đại Thừa cho đến lúc đó vẫn coi rằng vấn đề độc thân tịnh hạnh là một giới luật bất di bất dịch cho những tu sĩ xuất gia của nhà Phật. Làn hồi một số tông phái Đại Thừa ở Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản đã phá bỏ những luật lệ đó, các tu sĩ vẫn thành lập gia đình, ăn mặc như người bình thường và họ đã chứng tỏ vẫn thành công trong việc tu đạo và hoằng dương đạo pháp. Tại Tây tạng đạo sư Padmasambava, vốn được người dân coi như một vị đại Bồ Tát, giáo chủ của Hồng Mạo phái, vẫn thành lập gia đình và là người đầu tiên hoằng dương Phật pháp tại Tây Tạng đã thành công một cách rực rỡ. Sau đó Marpa, một bậc thầy vĩ đại nhất của tông phái Kargyutpa cũng có gia đình và được dân chúng Tây Tạng coi như một vị thánh. Ở Trung Hoa câu chuyện Tế Diên hòa thượng, một tu sĩ thường hay ăn thịt chó và uống rượu say sưa, thần thông cao cường, được dân gian truyền tụng như là một vị A La Hán thị hiện và chuyện một Chí Công hòa thượng ngang nhiên quay thịt chim ăn trước mặt mọi người v.v...

Tại Nhật, Chơn Loan tổ sư của Tịnh độ Chơn tông, được đức Quan Thế Âm đến bảo về trần cưới vợ và dạy đạo cho đời, để làm gương cho dân chúng thấy chẳng riêng gì các bậc xuất gia vẫn có thể tu và đắc đạo được. Trong phái này hiện có nhiều tín đồ và chùa nhất tại Nhật Bản mà các sư đều có gia đình.

Tóm lại, qua sự phát triển của thời gian, ngày nay, theo quan điểm của Phật Giáo, nhất là của Đại Thừa, người ta đã đi tới quan niệm là cái cứu cánh không phải làm những việc trái với luật tự nhiên nhưng họ vẫn ung dung sống trong phiền não mà giúp đời, độ thế và hoằng dương đạo đức không biết mỗi mạt.

Liệu Phật Giáo còn những thay đổi lớn lao nào nữa không trong cách giải thích về đạo và phương pháp giải thoát? Đó còn là vấn đề của tương lai...

THIỆN ÁC

Vấn đề thiện ác từ xưa đến nay vẫn thường được nhắc đến. Hầu hết các tôn giáo và những nền luân lý khác nhau đều có quy định sẵn những mẫu mực để phân biệt hành vi thiện ác cũng như sự hứa hẹn phần thưởng đời sau và sự đe dọa trừng phạt bằng lửa hỏa ngục cho các tín đồ của mình. Nhưng lúc nào cũng có người ở trong đạo đôi khi lại hoài nghi về những tiêu chuẩn thiện, ác mà tôn giáo và tập tục xã hội của họ đã đề ra. Hoặc vì những sự kiện thực tế trong xã hội đã xảy ra chung quanh, nó có vẻ không phù hợp lắm với những tín điều mà họ đã được dạy để tin tưởng, hoặc vì họ muốn tự do sống ra ngoài những gì đã ngăn cấm, nên họ thường có những lý lẽ để hoài nghi. Có một sự thưởng phạt nào của Thần linh và Thượng Đế đối với con người không? Tại sao lắm kẻ hung bạo, xảo trá lại giàu sang phú quý trong đời sống, còn kẻ hiền lành lại gặp cảnh tai ương và nghèo khó? Có ông Trời không? Nếu không thì có ai oán trách Trời, thì chả lẽ Trời lại bất công, thiên vị và không có mặt hay sao? Khoa siêu hình và thần bí học đã có những nhận định gì về các vấn đề trên để giải quyết minh bạch vấn đề thiện và ác mà nhiều người còn băn khoăn ngờ vực? Trong bài này chúng ta thử tìm hiểu vấn đề thiện ác theo những câu hỏi trên và phối hợp với khoa thần bí để cố gắng một phần nào trả lời cho những thắc mắc đó.

Trước hết cần phải giới hạn vị trí của loài người trong khả năng trí thức của họ có thể tìm hiểu về chính họ, tha nhân, thiên nhiên và vũ trụ vật chất mà sáu giác quan của loài người có thể lĩnh hội được, và một số cơ hội không nhiều lắm về những sự can thiệp của thần linh hiển lộ trong đời sống về việc chiêu họa cũng như tác phúc cho một số người được chọn làm kiểu mẫu để làm gương cho đời mà những nhà nghiên cứu về siêu hình học đã chứng kiến hoặc một số thường nhân đã có duyên tham dự. Căn cứ trên sự quan sát và luận lý trí thức để nhận định các sự kiện hữu hình và siêu hình hầu đúc kết lại những định luật vật chất hay các nguyên lý vô hình là một vấn đề khả dĩ có thể làm được. Tuy vậy tham vọng toàn tri về vũ trụ vật chất đã là một sự thất bại rõ ràng đối với các nhà khoa học hiện nay, thế thì chúng ta cũng không nên quá tham lam mà đòi hỏi tỏ rõ hết những gì thuộc về thần linh và Thượng Đế. Bằng lòng với những hiểu biết khiêm tốn của mình đó là một thái

độ phải lẽ và hợp lý nhất để nghiên cứu về thế giới, vũ trụ cũng như luật Trời, bộ máy thiên cơ, thần linh... Thượng Đế.

Khoa học vật chất đã một phần nào thành công trong việc khám phá về vũ trụ, tạo vật chung quanh và con người trong đời sống hữu hình của chúng, nó cũng tìm ra một số định luật vật chất để ứng dụng vào cuộc chinh phục thiên nhiên và cải thiện đời sống nhân loại. Hơn hai thế kỷ qua biết bao nhiêu phát minh của các bộ môn khoa học tự nhiên và xã hội đã được áp dụng vào đời sống thực tế. Nhân loại đã được hưởng nhiều tiện ích do khoa học hữu hình mang đến. Nhưng sau một thời gian bùng nổ và sôi nổi đó, ngày nay khoa học vật chất cũng đã thú nhận là mình vẫn chưa hiểu rõ hết các phần tử vật chất li ti của một nguyên tử nhỏ nhất. Đừng nói chi đến việc muốn tìm hiểu cái vũ trụ vật chất bao la gồm hàng tỷ tỷ hành tinh như trái đất mà chúng ta đang ở. Nhà khoa học thông thái nhất hiện nay còn chưa biết rõ hình dạng cái mũi của ông ta, chân mày của ông ta có bao nhiêu cọng? Và hàng ngàn bộ phận khác trong cơ thể của chính ông ta. Vậy chúng ta có thể đi đến một kết luận không sợ sai là khoa học không đáng giá một hạt cát so với chính những cái mà nó chưa biết về chính cái vũ trụ vật chất này.

Bước sang lãnh vực siêu hình, chúng ta gặp một vấn đề còn nan giải hơn khoa học hữu hình ngàn lần. Tuy vậy cái số mệnh của nhân loại hình như gắn liền với cái linh trí của một sinh vật nhỏ bé, lúc nào cũng hướng về những việc vô cùng, và hình như họ có thể cảm nhận được cái vô cùng đó mặc dù họ chẳng biết nó là gì. Đôi lúc trong những giây phút mơ màng, họ lại hý hửng tưởng rằng họ còn hơn Thượng Đế và tức tốc vung cây thiết bãng của họ để làm loạn thiên cung, để rồi rơi té xuống lãnh vực của thực tế mà nằm chiu tội dưới Ngũ Hành Sơn hơn 500 năm một cách tiêu ngủ. Phải biết trước cái ngông cuồng ngạo mạn của mình và phải thấy rõ cái trí thức không đáng giá một phần tử của hạt cát của chính mình, từ đó hãy hành trình một chút cho vui sang lãnh vực siêu hình.

Tuy cái khí cụ khoa học chẳng có giá trị gì, nhưng ta có thể mang nó nếu ta muốn, để được an tâm hơn khi tìm hiểu về các dữ kiện siêu hình. Phương pháp quan sát, phân tích, tổng hợp của khoa học có thể sử dụng để đo các dữ kiện vô hình chuyển sang hữu hình. Ngoài ra với cái tâm trạng bằng lòng với những khám

phá từng phần về vũ trụ và thế giới vật chất cũng như về những sự kiện thần bí được mặc khải trong lãnh vực siêu hình, giờ đây chúng ta sẽ thử nghiên cứu về vấn đề thiện ác được nêu trên trong các phần sau:

Khi quan sát các sự kiện thực tế xảy ra trước mắt, ở trên trời, dưới đất và trong lòng biển, người ta thấy rõ ràng một số việc hiển nhiên liên quan đến việc thiện ác đã xảy ra trong dòng sinh hoạt của các loài thú. Trong rừng xanh, có một cái luật bất di dịch của loài cầm thú là “mạnh được yếu thua”. Con sư tử, con cọp, con beo, con gấu v.v... luôn luôn có lý để dùng chính cái sức mạnh của chúng mà quật ngã những con hươu, con nai, con dê, con trâu, con bò v.v... để ăn tươi nuốt sống chúng. Thân phận của những con vật nhỏ bé để chống lại với loài mãnh thú dã man kia chỉ còn có cách là co giò mà cố gắng chạy thoát khỏi những nanh vuốt của những con vật muốn ăn thịt chúng. Đó là một quy luật của rừng xanh. Còn ở dưới lòng đại dương thì sao? Những sinh vật li ti gần mặt biển thì ăn những chất rong rêu màu xanh. Những con cá nhỏ thì ăn những con vật li ti đó. Một số cá lớn đến lượt chúng lại nuốt những bầy cá nhỏ để tự sinh sống. Những con cá khổng lồ thì sinh tồn bằng hằng loạt những loài cá khác. Trên trời cũng vậy, các loài chim thì ăn sâu, bọ, thú nhỏ và những loài cá. Thế giới của loài vật nhìn chung khó có thể phân biệt được có thiện ác gì trong đó hay không! So chiếu lại với loài người, lịch sử nhân loại cũng đã lưu lại cho ta nhiều chứng cứ về những cuộc chiến tranh giữa người với người trong các bộ tộc nhỏ, chủng tộc lớn hơn, các dân tộc và những khối dân tộc đã đấu chiến với nhau ra sao để thống trị nhau. Đã có những dân tộc hoàn toàn bị diệt chủng hay bị đồng hóa với một dân tộc khác. Ngay trong lòng xã hội của một dân tộc, những kẻ không ngoan, khỏe mạnh, xảo trá cũng thường áp đảo những kẻ thấp cổ, bé họng và ngu dốt hơn để tranh dành quyền lợi. Chính vì những sự kiện cụ thể đó, khiến có một số người đã phải từng thốt lên câu này: “Con người là loài chó sói đối với người”.

Những hiện thực xã hội đó khiến cho một số người có đầu óc thực tiễn đã phải đề cao cái chủ trương tự mình mai nanh vuốt để khỏe như con sư tử và tinh ranh như con cáo hầu lấn áp người khác để giàu sang và cho rằng đó là một chân lý cận nhân tình nhất của những người khôn ngoan trong đời sống xã hội.

Nhưng xã hội loài người, mặc dù có những cuộc tàn sát dã man lẫn nhau để sinh sống, nhưng lương tâm của nhân loại lúc nào cũng còn có đó nhờ những giáo thuyết của các đấng chân sư hay tiên tri đã rao giảng về sự công bằng, tình bác ái và lòng thương yêu giữa người với người. Sự nhắc nhở đời sống thánh thiện để được nước trời, luôn luôn được một phần nhân loại tuân giữ.

Thực tế đời sống nhân loại, không phải hoàn toàn sinh hoạt như loài thú, mặc dù cái thú tánh đó vẫn còn thường xuất hiện nơi nó đối với người khác. Lẽ phải vẫn còn đó và lương tri nhân loại vẫn còn sau những cuộc đấu chiến hãi hùng. Đời sống xã hội của một dân tộc đã có luật lệ được quy định để ngăn chặn những cái dã tâm của người này đối với người khác. Những nguyên tắc bình đẳng, huynh đệ, công lý đã luôn luôn được nhắc nhở trong xã hội loài người. Dư luận và công pháp quốc tế không nhiều thì ít bắt buộc các quốc gia phải tôn trọng một số luật lệ trong những tị hiềm và tranh chấp của họ. Dù thế trong thực tế của đời sống luôn luôn vẫn còn những người manh nha qua mặt luật pháp quốc gia hay quốc tế bằng những xảo thuật, để chiếm đoạt quyền lợi.

Những người ở trong tôn giáo này, luân lý họ, thường hướng đức tin của mình nơi quyền lực của các đấng thần linh và Thượng Đế để sống lành thiện theo lý tưởng của giáo thuyết họ. Họ an tâm nơi luật siêu nhiên, luật Trời có thể bảo vệ họ chống lại những bất công do kẻ khác đưa tới, hoặc an phận trông chờ sự phán xét về sau. Bao nhiêu câu nói của những kẻ tin đạo đã được truyền tụng: “Ở lành gặp lành” – “Sống hung dữ, chết bạo tàn” – “Phước năng thắng số” – “Thần linh có mắt” v.v...

Tôn giáo đã giữ vai trò quan trọng của mình trong công việc khuyến thiện dân chúng, làm cho họ an phận để sinh sống và nhẫn nhục trước những cảnh tranh giành do bản tánh tham lam, xảo trá của người khác.

Nhưng bất chợt, trong một giai đoạn nào đó của cuộc sống, do sự chung đụng với tha nhân, con người có lúc ở vào một trường hợp bị khinh rẻ, ức hiếp, phiền lòng do những người giàu sang nào đó vô tình hay cố ý đưa đến; họ lại mũi lòng và thường đặt vấn đề: có thật là ở hiền gặp lành không? Tại sao những kẻ này,

kẻ nọ theo họ thấy đâu có đạo đức gì, tội lỗi là khác mà lại giàu có, uy quyền? Niềm tin tôn giáo của họ bị lung lay. Cũng có thể nhiều trường hợp khó hiểu đã xảy ra trước mắt họ làm cho họ mất hết đức tin nên họ đã chối bỏ những luân lý đạo đức mà họ đã nhiệt thành tuân giữ từ trước, để cũng trau vuốt ké mưu mà nhảy vào cuộc tranh giành của cải và quyền lực thế tục.

Đối với đa số con người, sự thưởng phạt của thần linh đối với kẻ thiện và người ác là một điều khó thấy. Con người chỉ có thể thấy một phần phiến diện của đời sống một người thiện hay ác. Họ chỉ thấy kẻ ác đang ở giai đoạn lên voi nhưng ít khi có cơ hội để người ta chứng kiến lúc người kia xuống chó để trả nghiệp quả của mình đã tạo. Ở đời cái cảnh tang thương, biến đổi thường xảy ra đối với người ác. Nhưng vì sự thiển cận mà loài người không thể nào hiểu được, nên thường tưởng là không có. Người xưa từng trải việc đời, từng trông thấy nhiều cảnh đổi thay, đã thường tán than rằng: “Lưới trời tuy thưa, nhưng một mẻ lông không qua lọt”. Ý nhắc chừng chúng ta cái định luật thần linh lúc nào cũng hiện diện bên vai hữu, vai tả ta mà xem xét và thưởng phạt ta một cách công bình và chính trực. Làm sao có thể hiểu thấu được những biện pháp của thần linh trong cách phán đoán, xét xử, cải hóa hay trừng phạt một người, một gia đình, một dân tộc, trong cuộc sống chung của nhân loại. Đó là một công việc quy mô, đầy chi tiết và liên quan với nhau một cách chằng chịt và rối rắm. Nó còn chứa nhiều ẩn số mà con người không thể biết được, nên thường chỉ có tính cách đoán mò và thiển cận trong những phán nân nông nổi của họ. Những diễn tiến can thiệp của thần linh đối với con người trong đời sống hiện tại vẫn có xảy ra, nhưng phần lớn loài người không để ý đến trong những trường hợp như có vẻ bình thường, ngay cả trong một số trường hợp cụ thể rõ ràng cũng không có bao nhiêu người được dịp chứng kiến, ngoại trừ những nhà chuyên nghiệp và cá nhân liên hệ cùng gia đình của họ.

Sau đây chúng tôi xin ghi lại ba mẫu chuyện điển hình từ sự can thiệp của thần linh đối với một số hành động tốt xấu của một số cá nhân bình thường trong xã hội và sự thưởng phạt cùng giáo hóa của thiêng liêng cụ thể như thế nào đối với các đương sự:

1. Một ủy viên xã ủy của xã L.D., quận C.T., tỉnh V.B. Khi tiếp thu xã đó sau ngày 30/4/1975, theo sự cuồng nhiệt của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ông ta đã dẹp đình, phá miếu gây khó khăn cho một số tu sĩ và giới đồng cốt trong xã, khiến họ phải lánh cư đi nơi khác để được yên thân. Một thời gian sau, trong gia đình của ông một đứa con bị thần linh nhập xác và hành bệnh. Cứ chạng vạng tối thì thần linh nhập vào xác của cậu con vung tay múa chân và xuất khẩu nói nhiều câu sóc óc và chửi mắng ông, khoảng vài tiếng đồng hồ thì xuất mất. Nhiều lần như thế khiến ông bực mình cho là mình bị ma quỷ khuấy phá. Ông thuật: chính ông ta lấy súng M16 bắn hàng loạt đạn trên các ngọn cây chung quanh khu nhà ông vì theo ông nghĩ ma quỷ sợ súng sẽ bỏ đi. Nhưng trái với điều ông nghĩ, mọi việc cứ tiếp tục diễn tiến mỗi đêm. Ông lại đem ba viên đạn loại súng ngắn mà ông còn giữ để kỷ niệm cho tôi xem và cho biết chính trong một lần nọ đứa con bị ma quỷ nhập xác thách thức ông, ông đã bắn ba phát vào phía dưới chân của nó để dọa quỷ thần, nhưng kết quả là ba viên đạn đều không nổ. Thấy sự hiển linh đó khiến ông kiêng dè và giữ ba viên đạn lép đó để làm kỷ niệm. Một thời gian sau chính bản thân ông cũng bị thần linh nhập xác, hành bệnh ông khiến ông phải ăn chay trường, vì nếu ăn mặn thì ói ra hết (đến lúc đó ông đã ăn chay hơn bảy tháng). Phối hợp hành động để chuyển hóa ông ta, mỗi đêm quỷ thần nhập vào cùng một lúc hai cha con ông và khiến cho hai bên đấu phép với nhau hằng cả giờ đồng hồ. Luôn luôn mỗi lần như vậy là phía ông ngã quỵ và thua cuộc. Từ lúc bị hành bệnh, cực chẳng đã ông phải nghe lời của vợ và bà mẹ vợ đến đủ cả am miếu để xin chữa bệnh. Từ đó ông quen biết lần các nhà tu huyền bí trong tỉnh. Có người chỉ bảo ông phải thượng thờ vị Phật này, Bồ Tát nọ. Người khác giải thích chuyện đạo này, kinh kia v.v... Vì bị bệnh nên cực chẳng đã ông đều phải răn rức tuân theo. Từ lúc ông bị bệnh vô hình, lần hỏi các bà có xác cô cậu đã lần lượt trở về xã để ở lại và không bị làm khó khăn nữa. Một đêm kia, khi hai cha con ông bị quỷ thần mượn xác để đấu phép, các bà đồng bóng kia không ai hện, lại bị nhập xác chạy đến nhà ông và cũng nhảy vào đấu phép để phụ lực ông ta chống lại vị thần linh ở phía người con. Những cuối cùng tất cả mấy bà và ông ta đều bị đánh té ngã do huyền lực của đứa con. Vị thần linh nhập xác đứa con thường thân chuyển diễn tả dáng điệu của một con chim to và xuất khẩu rêu rao y ta là con công mà Phật Mẫu Chuẩn Đề thường cỡi xuống thế và cho biết y ta chỉ sợ có câu chú và đạo án Chuẩn Đề mà thôi. Câu chuyện được đồn đãi trong giới các nhà tu huyền bí đến tai một người bạn quen của chúng tôi. Lúc đó tôi đang truyền bá kinh chú

Chuẩn Đề của Thượng Tọa Thích Viên Đức dịch. Biết là nhân duyên do thần thánh chuyển hóa những kẻ không có đức tin về đạo và cần mượn tay tôi để góp phần hóa độ ông ta. Tôi đã cẩn thận hỏi lại ý kiến của thần thánh và được lệnh chữa trị cho ông.

Thật là bất ngờ, một đảng viên cộng sản vô thần trung kiên hơn 20 năm đã hoàn toàn khuất phục trước uy lực của thần linh khiến ông ta có một bàn thờ rất lớn trong nhà và thờ trên bốn hình tượng lớn của Phật và Bồ Tát, bên cạnh còn có một tủ kính chứa trên 20 quyển. Rõ ràng nhà ông ta biến thành một cái đình miếu, nếu ta có thể mệnh danh như thế. Riêng thân phận ông ta hiện tại lại là một ông từ cần mẫn, cúc cung lo nhang khói hàng ngày.

Khi thấy mặt tôi, đứa con nuôi tức thì bị nhập xác và mạnh bạo lên tiếng trách cứ tại sao tôi lại đến mà giúp đỡ cho ông ta. Quỷ thần đó diễn tả qua xác của đứa con hành động kháng cự và định hành hung tôi. Là một người chuyên môn trong lãnh vực vô hình và việc làm của thần linh, tôi đã đóng vai trừ quỷ, kiết ấn Chuẩn Đề và dùng thần lực chỉ thẳng vào xác của đứa con. Thằng nhỏ đang ngồi trên bộ ván, té một cái rầm rơi xuống đất và nằm chết ngất. Độ năm phút sau, đứa con lại có một vị thần linh khác nhập về, cung cách rất nghiêm trang và đạo mạo xuất khẩu đòi tôi phải bồi thường nhân mạng cho đệ tử của ông ta vừa bị tôi dùng ấn Chuẩn Đề giết chết. Tôi làm bộ phân trần và hứa hoàn hồn cho đệ tử ông ta sống lại. Thần linh đó vui vẻ gật đầu. Trước bàn Phật, tôi nguyện đến đức Thượng Đế và chư Phật mười phương, lớn tiếng cố ý cho gia đình ông ta nghe, để xin ơn trên gia hộ và chuyển thần lực quét gió về phía lúc nãy đứa con bị té ngất. Con công đó sống lại và tiếp tục nhập vào xác cậu ta, diễn tả thái độ khuất phục và quy ngưỡng tôi. Sau khi chấm dứt màn kịch mà trong đó tôi đóng vai kếp chánh khiến cả nhà ông xã ủy viên nọ (là khán giả) đều mừng rỡ ra mặt và reo lên đã gặp được Thầy. Tôi giải thích lý do khiến ông ta bị bệnh, chỉ ông ta phương cách tu tập và truyền pháp Chuẩn Đề cho ông ta.

Khoảng một tháng sau đó, tôi nghe đâu ông ta hoàn toàn khỏi hẳn bệnh vô hình và cả gia đình ông ta đã có làm một buổi lễ tạ ơn đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mà chính má vợ và gia đình ông ta đã khấn khứa đâu đó với thiêng liêng từ trước.

Những việc tương tự đã xảy ra cho nhiều gia đình các cán bộ cộng sản sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Bài này không thể trình bày hết được.

2. Một gia chủ mà tôi có dịp điếm đạo truyền pháp trong chuyến sang Pháp vừa qua đã thuật câu chuyện sau đây cho tôi nghe: ba của bà ta sau khi mất rất là linh hiển. Nhiều người trong nhà thấy ông ta hiện về và gia đình cầu xin giúp việc này, việc nọ đều được. Một trường hợp cụ thể xảy ra như một phép lạ mà gia chủ rất cao hứng để kể cho tôi nghe. Má bà ta trong một dịp gần tết, vì thấy ông chồng rất linh ứng, đã thấp nhang trước bàn thờ trình trọng kể lể cảnh nghèo và khích ông cho một con số để đánh đề, hầu có tiền mua đồ tết cho xấp nhỏ trong nhà. Bà đã nằm mơ thấy ông ta cho một con số và đánh trúng một số tiền. Còn tiếc rẻ trúng ít vì không dám đánh nhiều, bà ta lại thấp nhang xin một con số nữa. Kết quả được cho thêm một con số và trúng khá lớn. Hối tiếc sao mình không đánh lớn hơn, bà ta lại xin một con số khác. Lần này vẫn được một con số nữa. Gia đình, dòng họ, lối xóm vì đã quá tin tưởng ở những lần trước dốc cả tiền để đánh lớn. Kết quả lại thắng. Gia chủ cho biết lần đó má bà đã trúng cả một bao cà gòn tiền. Từ đó về sau gia đình không còn mơ thấy cho số nữa.

Là một người am hiểu về luật siêu hình, tôi thắc mắc hỏi gia chủ là khi ba của bà còn sống có tu hành chi chăng? Bà chợt nhớ ra cái đặc điểm nhất của người cha là khi còn sống rất thương những kẻ ăn mày. Bất cứ ai đến xin, ông đều đích thân đi múc cơm mà cho. Lâu ngày thành cái tục, ăn mày cứ đến xin ăn mãi làm rộn nhà khiến vợ ông ưa cần nhần. Bà ta thường rầy la xua đuổi họ. Thường khi bọn ăn mày biết ý, đợi lúc vợ ông đi khỏi, là họ lần lượt đến để xin ông hoặc cơm hoặc tiền. Suốt đời ông chỉ có làm thế mà khi chết lại hiển thần và luật trời còn cho phép ông giúp gia đình ông trúng số rất lớn để làm gương cho bá tánh. Câu chuyện làm tôi nghĩ đến lời này trong Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo: “Cho kẻ nghèo chính là cho Thượng Đế vậy”. Quả nhiên là một bằng chứng rất đúng trong trường hợp này.

3. Một giáo sư dạy chung với tôi, hai vợ chồng kín đáo phá thai không một ai được biết. Kết quả là bà vợ bị nhập xác hành bệnh mấy tháng trời, đem các nơi chữa trị bằng bùa phép kể cả đưa vào nhà thương điên Chợ Quán vì gia đình tưởng

bị bệnh tâm thần mà không chữa khỏi. Cuối cùng hồn đưa con nhập xác mẹ, xuất khẩu cho biết là cha mẹ nó đã phá thai khiến nó không thể ra đời được và họ đã vi phạm luật Trời, họ phải thành tâm sám hối tội lỗi và phải lo tu tập để đền tội mới có thể hết bệnh.

Trong thực tế có khá nhiều sự hiển lộ của thần linh trong sự thưởng phạt con người ngay trong đời sống hiện hữu. Đối với những nhà nghiên cứu về thần bí học họ đã chính mắt thấy, tai nghe không biết là bao nhiêu trường hợp cụ thể. Riêng với người thường việc đó có thể chỉ xảy ra hạn hữu một hay hai lần trong đời sống của họ mà thôi. Để cải thiện và cảnh cáo người tội lỗi, thần linh đã không ngần ngại nhúng tay trong những việc nhỏ mà kẻ vi phạm chỉ là những người tầm thường. Thế thì chúng ta có thể suy diễn ắt hẳn là phải có sự can thiệp của thần thánh trong những trường hợp tội lỗi lớn lao mà người vi phạm là những kẻ có thế lực. Có điều tội lỗi đó tùy trường hợp có thật là lỗi theo quan điểm của thánh thần hay không? Nếu có họ sẽ bị trừng phạt. Hay chính kẻ phạm tội lại là con múa rối mà thánh thần đã giật dây để thực hiện một công việc ác cần thiết nào đó mà thánh thần muốn. Trong trường hợp sau này dĩ nhiên đó là một việc khó hiểu đối với loài người vì tất nhiên là kẻ phạm tội do sự điều khiển của thánh thần hoàn toàn không có tội. Thế thì theo khoa siêu hình thánh thần có can thiệp đến sinh hoạt của loài người để thưởng phạt họ. Nhưng cũng có những ngoại lệ họ phạm tội mà vẫn an nhiên trước luật Trời. Dầu sao tránh ác làm thiện vẫn là một việc hợp với luật Trời nhất mà đại đa số loài người phải tuân hành triệt để.

Hết.